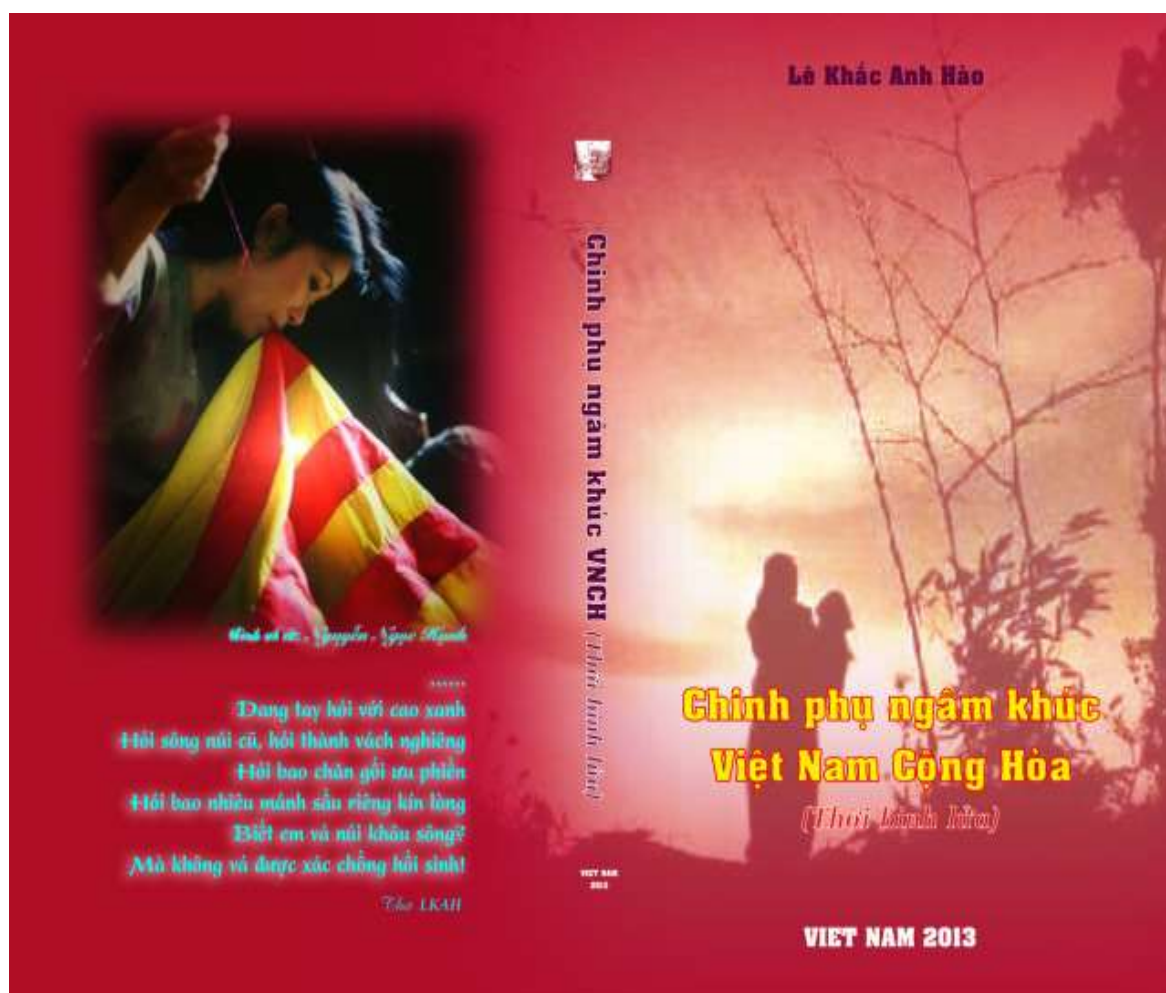


CHINH PHỤ NGÂM KHÚC VIỆT NAM CỘNG HÒA THỜI BÌNH LỬA

Lê Khắc Anh Hào



Tủ sách Việt Nam 2013

In lần thứ nhất năm 2013

Copyright 2013 by Hải Triều Lê Khắc Hai

All rights reserved

*

Printed in United State of America 2013

Bản quyền Hải Triều Lê Khắc Hai

*

Trình bày & edit: Lê Khắc Anh Hào, La Ngọc

Nguyệt San Việt Nam

PO.Box 74013 Hillcrest Park. PO
Vancouver, BC- V5V 5C8 – Canada

604 879 1179

nsvietnam@yahoo.com

*Lên non nhật mảnh tà dương
Sầu quê với những đoạn trường cuối mây...*

*Muốn chấm dứt tiến trình mất nước và sự đau khổ của dân tộc Việt Nam, tất yếu phải
chấm dứt chế độ cộng sản!*

*Đảng làm không được cây tầm
Mà đòi cai trị Việt Nam muôn đời!*

*

*Đảng ta có nhiều kẻ thù
Đồng bào số một, Tàu phù số không!*

MỤC LỤC

<u>Dòng thơ nhập dòng</u>	
<u>Dẫn nhập</u>	
<u>Chương một:</u>	Khởi đầu cuộc chiến xâm lược từ miền Bắc...
<u>Chương hai:</u>	Người chinh phụ miền Nam chiến đấu bên cạnh chính phủ miền Nam...
<u>Chương ba:</u>	Đoàn quân chàng vào nơi gió cát...
<u>Chương bốn:</u>	Người chinh phụ miền Nam sau 1975 / các trại tù “cải tạo” và những cuộc thăm chồng...
<u>Chương năm:</u>	Người chinh phụ miền Nam thành tù nhân cộng sản.
<u>Chương sáu:</u>	Người chinh phụ miền Nam ra tù...
<u>Chương bảy:</u>	Người chinh phụ hay tin chồng chết trong các trại tù cộng sản từ Nam ra Bắc...
<u>Chương tám:</u>	Lục bát Chinh Phụ Ngâm Khúc...
<u>Chương chín:</u>	Những bài thơ lục bát “Chinh Phụ Ngâm Khúc tân thời Việt Nam Cộng Hòa”... ▪ Thăm chồng tù “cải tạo”... ▪ Giọt lệ người tù dưới mộ mùa Xuân... ▪ Người chinh phụ miền Nam dưới màu cờ đỏ... ▪ Dòng thơ “Chinh phụ vá cờ”... ▪ Người chinh phụ miền Nam vượt biển tìm chồng... ▪ Gói quà từ Việt Nam của người chinh phụ... ▪ Lời người chinh phụ miền Nam gửi người chiến binh phục quốc...

- Người chinh phụ miền Nam trên tuyết lộ Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam...
- Con đường xưa...

Phụ trang Thơ, nhạc, truyện về người chinh phụ miền Nam....

- Hai hàng cây so đũa...
((Thơ/nhạc)
- Tưởng như còn người yêu...
(Thơ/nhạc)
- Người nữ binh không có số quân trên kháng tuyến Ba Tơ...
(Truyện trích đoạn truyện/ NT ĐKTTQS/ Hải Triều)
- Lên núi tìm chồng.
(Truyện/Trần Thị Đông Phương)

Chương mười:

Chương mười một:

Lời cuối/tác giả/tác phẩm



*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi
trần chuyên
Xanh kia thăm thẳm tầng
trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi
này? ...*
(Chinh phụ ngâm diễn ca)
Đặng Trần Côn & Đoàn Thị
Điểm

*Thuở trời đất giặc Hồ nổi
lửa
Ngày đời em đổ vỡ phong
ba
Vì ai loan phụng lìa xa
Vì ai xô tạc sơn hà nát
tan? ...*
(Chinh Phụ Ngâm Khúc
VNCH)
Lê Khắc Anh Hào

DẪN NHẬP

*Em thơ thần từng hôm soi bóng
Dãi vàng trắng lòng lộng quan san
Quân đi rừng núi bạt ngàn
Trường Sơn đổ lửa, em tràn lệ sa.*

*

Trong cuộc chiến chống Bắc quân để bảo vệ tự do, bờ cõi miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17, bờ Nam sông Bến Hải, những người lính miền Nam Việt Nam, hay nói như ý thơ trong *“Chinh phụ ngâm khúc”* của hai cụ Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm, họ là những lớp chinh phu can trường, gian khổ và bất hạnh. Họ đã chiến đấu, họ đã *“nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây”*, một số họ đã hy sinh, đã ngã xuống nơi chiến trường...

Và những chinh phu sống còn trong cuộc chiến, đã trở thành những *“bại binh”* bị hy sinh sau 1975 khi người Mỹ *“phủi tay”* rời chiến trường miền Nam vì nhu cầu chiến lược toàn cầu của họ.

Người chinh phu của thời xưa, số phận của họ xét ra may mắn hơn so với những chinh phu miền Nam thời VNCH. Thời xưa, chinh phu là những *“chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về”*.

Những chinh phu miền Nam VNCH thời binh lửa nhiều người cũng đã sống sót trở về, không phải để *“Ngâm nga mong gửi chữ tình. Đường này âu hắc tài lành trượng phu”*, mà họ, ngoài một số đã hy sinh nơi chiến địa, một số khác trở về trên đôi nặng gỗ, nhưng đa số trở về để rồi tan nát đời trai trong các trại tù lao động khổ sai của cộng sản giăng mắc từ Nam ra Bắc sau Tháng Tư Đen 30 /04 năm 1975 khi Sài Gòn sụp đổ..

Thế nhưng, từ những ngày đầu đau thương của cái *“thuở trời đất giặc Hồ nổi lửa”* đến ngày Sài Gòn rơi vào tay cộng sản Bắc phương năm 1975, với *“Oan khiên trĩu nặng hình hài. Cái thân tù ngục an bài kiếp nao?”*..., thì hàng hàng lớp lớp những người chinh phụ miền Nam đã phải trải qua những cảnh đời đen tối đau khổ, khốn nhục và bất hạnh ngàn lần hơn người chinh phụ ngày xưa trong tác phẩm *“Chinh phụ ngâm khúc”* của hai cụ Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm.

Chúng ta ai cũng biết trong cuộc chiến, vô số những chinh phụ miền Nam *“lệch làn tóc rối, lòng vòng lưng eo”*, tan nát đời hoa ra sao khi đêm từng đêm nghe tiếng đại bác, đêm từng đêm nhìn hỏa châu rơi, rực sáng núi rừng, nơi chồng mình xông pha trận mạc.

Chúng ta biết những chinh phụ miền Nam đau khổ ra sao những khi phải đối diện với thảm cảnh nhận tin chồng tử trận, rồi *“Ngày mai đi nhận xác chồng, say đi để tưởng mình không là mình...”*

(Thi phẩm Lê Thị Ý *“Ngày mai đi nhận xác chồng...”* nhạc Phạm Duy, *“Tưởng như còn người yêu”*...) (*)

Chúng ta biết những chinh phụ miền Nam bất hạnh ra sao khi phải vừa tàn tảo nuôi con, vừa lặn lội thăm chồng trong các trại tù cộng sản giữa núi rừng heo hút từ Nam ra Trung, ra Bắc, trong đó có những cảnh ... *“Lên thăm anh lần cuối, trong lòng em khóc thầm...Đưa con đi tìm sống...”* trước khi nàng đem con chàng vượt biên khỏi thiên đường mù cộng sản Việt Nam .

(Nhạc phẩm “*Hai hàng cây so đũa*”/ tác giả Nguyễn Huy/Trọng Minh)(*)

Chúng ta biết những chinh phụ miền Nam lịm chết ra sao khi hay tin chồng chết trong các trại tù heo hút của cộng sản.

Chúng ta biết những chinh phụ miền Nam gió sương, cơ cực và cô đơn ra sao khi giặc cộng tịch thu nhà cửa, tống nàng và các con ra khỏi mái nhà êm ấm của hai vợ chồng vì tội mà chế độ cộng sản gọi là “*gia đình Ngụy có nợ máu với nhân dân*”...

Chúng ta cũng biết những đoạn trường, bất hạnh của những chinh phụ miền Nam ra sao khi nàng phải vượt sóng đại dương, bỏ nước ra đi tìm chồng, tìm tự do, hay sau khi chồng chết trong trại giặc mà phải dắt con ra đi...

Hãy cân đo trái tim và biển lệ của những người chinh phụ miền Nam lên bàn cân lịch sử đầy nước mắt, máu xương, oan nghiệt của dân tộc trong suốt chiều dài của cuộc chiến chống Bắc quân..., độc giả mới hiểu được tại sao tôi viết “*Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hòa thời binh lửa*”...

Tôi viết thi tập “*Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hòa thời binh lửa*” cũng không vì mục đích văn học, mà hoàn toàn vì muốn ghi nhận những hy sinh, gian truân, khổ nhọc, đoạn trường của vô số những người vợ lính, những chinh phụ miền Nam trong suốt chiều dài của cuộc chiến bi hùng, oan nghiệt, và cả ngay sau khi cuộc chiến chấm dứt. Họ là thành phần gần như bị lịch sử bỏ quên, bất công và vô tình...

Tôi, một người lính cũ năm xưa của Quân lực VNCH, được may mắn sống còn trong suốt cuộc chiến, sống còn trong các trại tù của cộng sản, sống còn trên đường vượt biển, và nay lưu vong nơi xứ người, mạo muội viết thi tập “*Chinh Phụ Ngâm Khúc VNCH*”, chân thành gửi đến quý chị một lời vinh danh, một lời cảm ơn và một bông hồng không phai tàn theo năm tháng, cho dù các chị còn sống đoàn tụ ở Việt Nam, sống lưu vong tủi hờn trên đất khách, hay đã không còn trên cõi đời này...

Khi hoàn thành tác phẩm này, tôi cũng kính cẩn tri ân tiền nhân, hai cụ nhà thơ Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm, đã để lại cho hậu thế và trong lòng tôi thi tập bất hủ “*Chinh Phụ Ngâm Khúc*”, và chính “linh hồn” của thi tập này là một trong những động lực thúc đẩy tôi viết tập “*Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hòa* ...

*Rừng xanh áo trận bạc màu
Em hay anh nặng nỗi đau chia lìa?*
Lê Khắc Anh Hòa

(*) Vô google tìm “ngay mai di nhân xác chong” nghe Ý Lan hát, xem hình ảnh trong youtube, những ai mũi lòng và không quên một thời dĩ vãng đau thương, sẽ không cảm được nước mắt trước nỗi đau khổ của người chinh phụ miền Nam.

Chương một **KHỞI ĐẦU CUỘC CHIẾN BẮC NAM**



1.

Thuở trời đất giặc Hồ nổi lửa
Ngày đời em đổ vỡ phong ba
Vì ai loạn phụng lìa xa
Vì ai xấ tặc sơn hà nát tan?

2.

Ngày xuất quân, lệnh ban chống giặc
Đêm hỏa châu giăng mắc lưng trời
Rừng sâu chong súng ngậm lời
Chờ nghe đạn giặc gọi mời lửa binh.

3.

Trời phương Nam thanh bình năm cũ
Đời anh như hoa nọ trên cành
Bỗng nhiên vỡ đất tan thành
Bút nghiêng xếp lại, máu tanh giang hồ.

4.

Vượt Bến Hải giặc vô như thác
Nhập rừng sâu: lệnh Mác Lê Nin
Lệnh truyền từ Hồ Chí Minh
Tang thương đất Việt, điêu linh giống nòi.

5.

Thuở thơ sinh đêm soi đèn sách
Giờ súng gươm anh vạch đường quân
Giày saut dẫm bước phong trần
Sương đêm thấm nặng nghìn cân cội người.

6.

Ngày anh đi một trời úa lá
Chân tiền anh mà lạ gót son
Khối sầu dằng dặc héo hon
Chấp tay nguyện bước vuông tròn theo anh.

7.

Anh bước đi, trời xanh rực nắng
Em đứng nhìn đặng đặng bờ môi
Anh đi, nắng lạ bồi hồi
Em về lẽ bóng ngậm lời biệt ly.

8.

Lòng Bắc quân, ngại khi lạc lối
Súng Khe Sanh khế gọi Pleiku
Anh đi sương khói mịt mù
Súng gươm anh chặn gót thù đạn bom.

9.

Em thơ thần từng hôm soi bóng
Dãi vàng trắng lòng lộng quan san
Quân đi rừng núi bạt ngàn
Trường Sơn đổ lửa, em tràn lệ sa.

10.

Đêm đục giặc, xông pha trận mạc
Ngày dừng quân lục soát chiến trường
Chiến y phủ lớp bụi đường
Uy nghi cờ lộng gió sương biên thù.

11.

Tiếng pháo giặc ầm ì đồi núi
Chiến hào anh thui thui súng chông
Nhìn lên... trùng điệp núi sông
Anh đi, Tổ Quốc, một lòng thủy chung.

12.

Rừng núi thẳm rừng rung, gió hú
Sương rừng khuya như ủ thịt da
Chập chờn trận địa như ma
Đời nay súng đạn, xưa là kiếm cung.

Chương hai
**NGƯỜI CHINH PHỤ VNCH
CHIẾN ĐẤU BÊN CẠNH CHỒNG... (*)**



13.

Ngày rừng núi chập chùng sương phủ
Rừng cây xa ử rũ mấp mờ
Tiền đồn heo hút bóng cờ
Uy nghi súng dựng bên bờ tử sinh.

14.

Đêm từng đêm, rập rình trận mạc
Tử thần như giếng mắc cổ cây
Bên chồng đêm lạnh hao gầy
Bên chồng em nguyện chung tay cùng chồng.

15.

Đêm giặc pháo, súng chông phản pháo
Ngày giặc lui ẩn nấu rừng sâu
Thời gian câm lặng vó câu
Còn em hóa bạc mái đầu thủy chung.

16.

Khi giặc bủa trùng trùng mưa đạn
Lửa rợp trời giăng vạn sao băng
Nhìn lên máu nhuộm vàng trắng
Hào sâu khai hỏa đạn giăng tầm nhìn.

17.

Em tiếp đạn, bên mình súng trận
Em giúp chồng bắn chặn cuồng binh

Tuyến ngoài giặc loạn thất kinh
Chết như cây cỏ vô tình trướng sâu.

18.

Đời chinh nhân tuyến đầu gian khổ
Nặng quần vai mấy độ Thu phong
Sang ngang phận gái theo chồng
Lửa binh là nghiệp núi sông vô cùng.

19.

Em chinh phụ chia chung nghiệp nước
Anh chinh phu đổi bước quân hành
Chiến chinh vỡ lũy nghiêng thành
Cùng chung gian khổ tuổi xanh phai tàn.

20.

Vì nghiệp nước, dung nhan héo úa
Em theo chồng từ thuở can qua
Biên thù lửa khói phơi pha
Cùng anh bảo vệ sơn hà Việt Nam!

Chương ba **ĐOÀN QUÂN CHÀNG VÀO NƠI GIÓ CÁT...**



21.

Quân chuyển bước âm thầm cây cỏ
Đất rừng thiêng còn đỏ máu ai

Chập chùng sương lạnh bờ vai
Tim em trĩu nặng đoạn đoài xót anh.
22.

Đêm đại bác tan tành giấc ngủ
Đêm hỏa châu soi phủ chiến trường
Xót người trong cỏi gió sương
Mệnh như chiếc lá còn vương trên cành.
23.

Anh vẫn đi, vách thành nghiêng ngã
Em vẫn chờ vật vã canh thâu
Rừng xanh áo trận bạc màu
Em hay anh nặng nỗi đau chia lìa?
24.

Ngoài trận địa anh thề chặn giặc
Mái nhà xưa lạnh ngắt như đồng
Chiếu chần còn ấm hơi chồng
Ngỡ anh trong tấm chăn hồng như mơ.
25.

Bờ Bến Hải, mây mờ chiến tuyến
Vách Cổ Thành còn quện khói bay
Bắc quân lớp lớp máu say
Tưởng như rừng thẳm cỏ cây hiện hình.
26.

Cờ vàng động uy linh bờ cõi
Bóng trăng lu mòn mỏi đợi chờ
Đạn reo đầu súng không ngờ
Bao quân chết trận bơ vơ cỏi người.
27.

Từ anh lao vào nơi gió cát
Đêm trắng tàn gác giặc đồn xa
Từng ngày giữa trận xông pha
Súng gươm nợ nước thù nhà xả thân.
28.

Hơi gió lạnh phân vân tóc rối
Mưa Hạ Lào phủ dội chinh y
Thương người mỗi cánh chim di
Và em gối chiếc, kinh kỳ vắng anh.
29.

Nay giặc Bắc tràn lên trăm nhánh
Nẻo biên thùy lấp lánh sao đêm
Suối khô, khe đá lạnh êm
Xạt xào bóng giặc, anh kèm súng nâng.
30.

Sương rừng phủ, địch gần tầm đạn
Dáng tử thần loang loáng tầm tay
Đạn tuôn nát gió tan mây
Rừng thiêng bốc lửa vùn xoay đất trời.
31.

Trên chiến địa anh ngồi đếm tuổi
Cùng đạn bom rong ruổi từng Xuân

Anh đi nát hết lạch nguồn
Còn em ôm trọn nỗi buồn tuổi hoa.

32.

Đêm thanh vắng nhạt nhòa lệ đổ
Ngày se lòng mấy độ Thu Đông
Soi gương lại nhớ bóng chồng
Phủ gương lại thấy núi sông nghẹn ngào.

33.

Đường Nam Lào gió ào ào thổi
Mảnh trăng lu còn đợi trên cành
Bóng quân từng bước di hành
Mấy Xuân em đợi, chỉ vành trăng treo.

34.

Quân chết trận hồn theo cơn gió
Anh đêm nhìn đóm đỏ hỏa châu
Nào anh mộng gánh công hầu
Mà sương pha nặng mái đầu bạc phơ.

35.

Dấu binh lửa... cuộc cờ tan tác
Ngày anh về... em nhạt phấn hoa
Đời em chìm nổi phong ba
Anh về khi cả sơn hà nát tan!

36.

Anh giữa chốn bạt ngàn mờ ảo
Súng cầm tay, địa đạo che thân
Mòn hao nhạt nguyệt phân vân
Thương anh bên cạnh tử thần tác gang..

37.

Mộng đèn sách đã tan theo gió
Mảnh chiến bào mấy độ nhạt phai
Niềm riêng này tỏ cùng ai
Em trong song cửa, anh ngoài gió trắng.

38.

Trong cửa vắng cầm bằng số kiếp
Ngoài chân mây liên tiếp đạn bay
Nhìn trời Nam Bắc Đông Tây
Tìm đâu thấy được một ngày gặp nhau.

39.

KBC thư vào mỗi tháng
Nay bỗng dừng lại vắng tin anh
Chờ từng giọt nắng mong manh
Em là sương phụ tàn canh đợi chồng.

40.

Em vẫn đợi, phòng không vơi vợi
Em vẫn chờ, ngóng đợi đoàn viên
Rèm thưa nào phủ ưu phiền
Khi em lệ vẫn triền miên đêm dài.

41.

Đèn gương đốt, hình hài hốc hác
Gương gương soi, tóc bạc mai sầu

Phấn son nào với cơ cầu
Vắng anh còn nghĩa gì đâu gương đèn!
42.

Đêm trăng tỏ, trăng len qua cửa
Trăng lồng hoa hoa nở về đêm
Trăng hoa cười cợt bên thềm
Dưới hoa trăng lặng, em kèm dòng châu!
43.

Em đợi anh bạc đầu vẫn đợi
Dấu ngày về với vợi ngóng trông
Dấu là nát núi tan sông
Tình em vẫn trọn một lòng chờ anh!
44.

Ngày trở lại mong manh hạt nắng
Sương đêm còn nặng nặng lá hoa
Trời xanh tím nắng chan hòa
Khi em lệ đầm nhạt nhòa mi hoen.
45.

Ôm chần lạnh nhìn đèn hiu hắt
Nhìn ảnh chồng quặn thắt tim gan
Giày saut, áo trận dọc ngang
Giang sơn đâu gánh giữa đường riêng ai!
46.

Em mòn mỏi, thân trai biệt
Gót quân hành anh biết về đâu
Ra Trung dẫm nát tuyến đầu
Về Nam lòng giặc rừng sâu mỗi mòn.
47.

Ngày về phép, Sài Gòn rực nắng
Tay đan tay, em cần mỗi mừng
Hôn anh, nước mắt rưng rưng
Hôn anh như thể chưa từng hôn nhau!
48.

Bảy ngày phép qua mau như mộng
Ngày anh đi, trời động mưa bay
Ôm em trọn ấm vai gầy
Em tan biến giữa phút giây chia lìa.
49.

Anh lại đi, em về ngơ ngác
Tưởng chừng như em lạc trong mơ
Ngẩng lên, lòng lộng bóng cờ
Anh yêu! Biết đến bao giờ gặp nhau!
50.

Đời chinh nhân khoác màu áo chiến
Tổ quốc cần, anh hiến đời trai
Anh đi vì một ngày mai
Việt Nam hoa gấm, tương lai rạng ngời.
51.

Em vẫn đợi suốt đời vẫn đợi
Em vẫn chờ, với vợi canh thâu

Rừng thiêng gió lộng qua cầu
Có nghe em tiếng nguyện cầu theo anh!
52.

Rồi tháng Tư, vách thành nghiêng đổ
Mất Cao Nguyên, phường phố xô xao
Tin anh biên biệt nơi nào
Bắc quân tràn ngập, chiến hào vỡ tan.

Chương bốn

Người Chinh Phụ Việt Nam sau 1975 và những trại tù cải tạo



53.

Ngày 75 giặc tràn khắp nước
Lệnh quy hàng, giặc trước giặc sau
Anh về ôm một khối đau
Hận như bão tố phủ màu quan san.

54.

Ôi oan nghiệt! Không đành trốn giặc
Lệnh tập trung, anh vát hai vai
Oan khiến trĩu nặng hình hài
Cái thân tù ngục an bài kiếp nao?

55.

Ôi phút chốc nôn nao sum họp
Rồi chia tay lớp lớp vô tù
Tương lai, rừng núi mịt mù
Đời trai như lá mùa Thu chết dần.

56.

Em phờ phạc tấm thân liễu rũ
Xót thương anh giấc ngủ không tròn

Tháng ngày lẻ bóng héo hon
Tuổi xuân từng phút hao mòn xác xơ.

57.

Cơn gió thoảng bóng cờ giặc đỏ
Nhuộm đen đời, đen cỏ, đen cây
Muôn dân bỗng chốc trắng tay
Còn anh rũ mục tháng ngày cùm gông.

58.

Ngày thăm anh núi sông bờ ngõ
Cúi đầu đi không thở không than
Anh đi giặc súng hai hàng
Em đau đoài đoạ lệ tràn giọt sa.

59.

Đếm nhật nguyệt hơn ba năm lẻ
Mới gặp nhau chưa kể nguồn cơn
Chia tay gửi giọt lệ tuôn
Để anh thương... vẫn điên cuồng nhớ em.
Bắc quân tràn ngập, chiến hào vỡ tan.

Chương năm

Người chinh phụ thành tù nhân...



60.

Rời trại giặc, đường thêm thanh vắng
Chân bước đi như chẳng về đâu
Em như Chúc nữ chờ Ngâu
Chợt anh biến mất giữa màu núi sông.

61.

Em tần tảo giữa lòng chế độ
Ngày ra đường gặp hổ, sói lang
Một trời Tổ Quốc mang mang
Như hình địa ngục giăng tràn Bắc Nam.

62.

Giặc có lúc hàm hàm hạc hỏi
Cũng có khi soi mói đủ bề
Quyền uy áp bức cận kề
Trời cao có thấu, sơn khê có tường?

63.

Rời một sớm phố phường lố nhố
Giặc khám nhà, cờ đỏ búa vây
Hai tay em giặc còng tay
Căn khôn vỡ vụn giữa bầy thú hoang.

64.

Căn nhà nhỏ mở toang cửa trước

Giặc đổ vào từng bước tóm thu
Giang sơn nay một nhà tù
Cửa nhà sản nghiệp cái vù tan tiêu.
65.

Anh chân mây bao nhiêu gian cực
Em quê nhà, áp bức tù gông
Tội em chia với tội chồng
Đêm tù mưa dội theo dòng lệ em.
66.

Đời đôi ngả, bóng đêm giăng mắc
Mộng đoàn viên nay chắc tan tành
Hoa Xuân úa nụ tan cành
Khi em thân ngọc mong manh trong cùm.
67.

Giặc khảo vàng, chôn hòm bao lượng
Ngày xưa chồng lương hướng ra sao
“Cái quân chồng Ngụy lon cao
Chính là tội ác phải vào nhà giam!”
68.

Giặc Hồ đổ vào Nam vợ vết
Sạch miền Nam, người chết, kẻ nghèo
Suối sông, làng mạc, núi đèo
Xác xơ cây cỏ, mây treo cuối nguồn.
69.

Ba năm lẻ tuổi tuôn theo lệ
Ngóng tin chồng ngọc thể mòn hao
Ngày lên nắng lạ lao xao
Đêm mơ em được ôm vào lòng anh.

Chương sáu

Người chinh phụ miền Nam ra khỏi tù...



70.

Rồi một sớm tin lành giấc thả
Ra khỏi tù lệ lả chả rơi
Tên anh, em gọi ngàn lời
Hỏi anh yêu ở cuối trời thâu chẳng?

71.

Nhà giặc cướp, không đàng nương tựa
Còn đâu nơi song cửa đợi mong
Một trời cò đỗ bão giông
Thân em chiếc lá trên dòng nước trôi.

71.

Về quê Mẹ, bồi hồi tuổi ngọc
Con đường quê buổi học tan trường
Dấu xưa hoa cỏ mờ sương
Chân em từng bước đoạn trường từng cơn.

73.

Anh tù Hoàng Liên Sơn, Kà Tót
Hay Cổng Trời chót vót mây xanh
Phận tù Suối Máu mong manh
Em soi bóng nguyệt, tàn canh đợi chồng.

74.

Em chinh phụ phòng không gối chiếc
Anh người tù không biết ngày ra
Mâu tang phủ khắp sơn hà
Giám em giữa cõi ta bà cô đơn.

Chương bảy
**Người chinh phụ miền Nam
nghe tin chồng chết trong trại tù cộng sản...**



75.

Rồi một sớm càn khôn vỡ nát
Tin anh về bụi cát rừng sâu
Thôi rồi cát bụi về đâu
Trời ơi, oan nghiệt tình sầu thiên Thu.

76.

Đời còn gì, nỗi đau vời vợi
Đời còn gì, em đợi em mong
Kiếp hoa tàn úa theo chồng
Giang sơn này cũng theo dòng nước trôi!

77.

Chia lìa nhau không lời vĩnh biệt
Lòng đất nào anh chết ngiệt oan
Sương pha cỏ úa đầu non
Đèn khuya chông lạnh hao mòn đời em.

78.

Đêm từng đêm, không kèm giọt lệ
Đêm từng đêm, tiếng dế ửi an
Ngày soi gương lạ dung nhan
Đêm xem thiên hạ, trần gian đổi màu.

79.

Vĩnh biệt anh! Thiên thu vĩnh biệt!
Đời em như đã chết bao giờ
Đêm em sống từng cơn mơ
Ngày em uất hận ngọn cờ thù chung!

Vĩnh biệt anh! Thiên thu vĩnh biệt!

Và từ đây, những người chinh phụ miền Nam trong suốt cuộc chiến chống Bắc quân xâm lược, đã phải sống một chuỗi đời oan ngiệt, tàn phai trong địa ngục đỏ của cộng sản. Thảm cảnh này chúng ta không thể tìm thấy trong “Chinh phụ ngâm khúc” xưa của hai cụ Đặng Trần Côn và cụ Đoàn Thị Điểm ... với cuộc trùng phùng hạnh phúc của người chinh phu và chinh phụ.

Liên ngâm đối ẩm từng phen

Cùng chàng lại kết mối duyên đến già

Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ

Giữ gìn nhau vui thú thanh ninh

Ngân nga mong gửi chữ tình

Dường này ai hẫn tài lành trượng phu.

(Cuối sách Chinh phụ ngâm khúc/

Đặng Trần Côn & Đoàn thị Điểm)

Bình lửa thời đại nào cũng khổ đau, tan thương, ly biệt, máu xương..., nhưng đời người chinh phụ trong thời cổ Trung Hoa và Việt Nam, về mặt thân phận con người, chắc cũng không khác gì người chinh phụ trong thời bình lửa, chinh chiến khi dân tộc Việt Nam chống Bắc phương. Nếu lấy cái mốc thời gian vào thời triều Lê Cảnh Hưng khoảng 1720 – 1742 khi cụ Đặng Trần Côn viết Chinh Phụ Ngâm Khúc từ tinh thần bản tiếng Hán của Trung Hoa, tính đến năm 1975 khi miền Nam mất vào tay cộng sản thì cách xa nhau khoảng 235 năm...

Thế nhưng, so với những dòng kết sau cùng, đẹp và có hậu trong cuộc đời chinh chiến của người xưa, như trong “Chinh phụ ngâm khúc” của hai cụ Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm, thì cuộc đời người chinh phụ VNCH quả thật là đau khổ, oan ngiệt và bất hạnh trùng trùng nghìn lần hơn người chinh phụ thời xưa, kể cả thời xưa của Trung Hoa lẫn thời xưa của lịch sử Việt Nam!

Vĩnh biệt anh! Thiên thu vĩnh biệt!
Đời em như đã chết bao giờ
Đêm em sống từng cơn mơ
Ngày lên uất hận ngọn cờ thù chung!

(Cuối sách Chinh Phụ Ngâm Khúc
Việt Nam Cộng Hòa/Lê Khắc Anh Hào)

Chương tám



Lục bát Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hoà

Chinh phụ ngâm khúc nguyên tác (bản A) còn được gọi là “*Chinh phụ ngâm diễn ca*”, và Chinh phụ ngâm (bản B) còn gọi là “*Chinh phụ ngâm bị lục*”, mỗi bản có 408 câu thơ viết theo thể song thất lục bát, bắt nguồn từ nguyên bản tiếng Hán rồi chuyển ra tiếng Nôm... (Đặng Trần Côn & Đoàn Thị Điểm)

“*Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hoà*” viết bằng Việt ngữ thời nay, bản duy nhất, có 316 câu thơ cũng viết theo thể song thất lục bát, và độc giả có thể nhận ra những nét tương đồng về thể thơ và ý thơ. Điểm khác nhau, ngoài nội dung viết về thân phận của người chinh phụ xưa và nay, thi tập “*Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hoà*” (thời bình lửa) không dùng điển tích Tàu để làm tựa và ý cho thơ diễn tả... Thơ trong thi tập “*Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hoà*” (thời bình lửa) không mang tính hư cấu, mà nó là hình ảnh thực, là nỗi đau thương thật, nỗi bất hạnh thật của người chinh phụ Việt Nam trong chiến tranh.

Phần chính của “*Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hoà*” viết theo thể thơ song thất lục bát, phần tiếp theo (Chương tám), một số được viết dưới thể lục bát song song từ những dòng lục bát trong “Chinh phụ ngâm khúc” của cụ Đặng Trần Côn & Đoàn Thị Điểm (chữ đứng) và Chinh phụ ngâm khúc Việt Nam Cộng Hoà của hậu bối Lê Khắc Anh Hào (chữ nghiêng).

1.

Bóng cờ tiếng trống xa xa
Sầu lên ngọn ải oán ra cửa phòng.
Đoàn quân ruổi bước quân hành
Mối sầu em chợt xây thành non cao!

2.

Nương song luống ngẩn ngơ lòng
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?
Bên song cửa lạnh bồi hồi
Phấn son nào với cuối trời đạn bom?

3.

Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi
Vì chàng thân thiếp lẻ loi mọi bề.
Vì anh em nhỏ dòng châu
Vì chồng em phải qua cầu lẻ đơn.

4.

Quân đưa chàng ruổi lên đường
Liều dương biết thiếp đoạn trường này chẳng?
Hành quân trực chỉ biên thù
Xót anh ngang dọc uy nghi bóng cờ.

5.

Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?
Trùng trùng rừng phủ màn sương
Hỏi anh có biết đoạn trường này chẳng?

6.

Trời hôm tựa bóng ngẩn ngơ
Trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai.
Chong đèn nhìn bóng bơ vơ
Vành trăng, suối tóc, cơn mơ bạc đầu.

7.

Nỗi lòng biết tỏ cùng ai
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.
Hỡi ơi! Ai hiểu lòng này
Thương anh biệt biệt chân mây cuối trời..

8.

Dấu chàng theo lớp mây đưa
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà.
Giầy saut từng bước phong trần
Em nghe tóc loạn nghìn cân đoạn đoài.

9.

Rêu xanh mấy lớp vây quanh.
Sân đi một bước trăm tình ngẩn ngơ.
Lối mòn sương lạnh đường quê
Gót son trĩu nặng lời thề trăm năm.

10.

Cậy ai mà gửi đến cùng
Ngỏ chàng thấu hết tấm lòng tương tự.
Ai người em gửi lời thương
Canh trâu gom hết đoạn trường xót anh.

11.

Màn mưa trướng tuyết xông pha
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cỏi ngoài.
*Màn đêm phủ kín núi đồi
Xót anh buốt lạnh cuối trời sương pha.*

12.

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau.
*Trăng soi hoa nhụy xôn xao
Buồn hoa trắng lặng, mòn hao tác lòng.*

13.

Khắc giờ đằng đẳng như niên
Mối sầu dằng dặc như miền bể xa.
*Thời gian nhẹ bước trăm năm
Xót anh ruột thất không cầm lệ đêm.*

14.

Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một mình.
*Vì anh em nhỏ dòng châu
Vì anh em nặng bể sầu trái ngang.*

Chương chín

Những bài thơ lục bát

“Chinh Phụ Ngâm Khúc tân thời Việt Nam Cộng Hòa”...



**Các sĩ quan miền Nam
trong các trại tù của cộng sản sau 1975**

*Gối chần nào những vô thường?
Chờ nhau mấy cỗi đoạn trường thiên thu.*

1-

Người chinh phụ miền Nam thăm chồng trong các trại tù cộng sản. Thảm cảnh này không thấy trong Chinh phụ ngâm khúc thời xưa...

Thăm chồng tù cải tạo...

Anh ơi ngã nón che mưa
Làm sao che cả cuộc cờ vớ tan
Anh đi giặc súng hai hàng
Cỏ cây nhuộm một màu tang thảm sầu.
Tóc xanh em hóa bạc đầu
Rừng đau lá úa một màu quan san
Chân ngà từng bước nghiệt oan
Bao nhiêu cờ đỏ, bao hàng lệ sa.
Em đi nghiêng ngữa sơn hà
Nỗi đau cuộn cuộn theo tà áo bay.
Em về trắng hai bàn tay
Đường xưa hóa lạ, hao gầy dáng hoa.
Ngửa tay hứng ngọn nắng tà
Chỉ tay trăm nhánh giang hà dọc ngang
Tay tiên bắt vệt nắng tàn
Mở ra thấy cả giang san đọa đầy.
Em về đông tháng đêm ngày
Hóa thân em giọt sương bay giữa dòng
Xót anh khổ nhục đầu sông
Cuối sông em những vô cùng đón đau.
Anh ơi chắc đến nghìn sau
Em thân Chúc Nữ ngóng đầu sông Tương
Gối chần nào những vô thường?
Chờ nhau mấy cõi đoạn trường thiên thu.
Một mai nước sạch bóng thù
Tóc mây mấy sợi sương mù bạc phơ
Bây giờ cho đến bao giờ
Để em thấy lại bóng cờ Tự Do!!

2.

Người chinh phụ miền Nam thăm mộ chồng trong các trại tù cộng sản. Thảm cảnh này không thấy trong Chinh phụ ngâm khúc thời xưa...

Giọt lệ người tù dưới mộ mùa Xuân...

Tưởng người dưới huyết quỷ quên
Nên mai nở rộ bên nền mộ hoang
Đất linh phủ với hoa vàng
Sương rơi đọng lại mấy hàng lệ sa.
Nằm đây anh khóc sơn hà
Nằm đây anh nuôi em tà khói bay
Hồng trần từ thuở chia tay
Áo em lệ đầm nát ngày ly chia.
Mùa Xuân vỡ nát lời thề
Súng gươm anh bỏ bên lề bại vong

Tử sinh kèm tỏa mấy vòng
Gió bay đầu mộ sắc hồng phù vân.
Thôi rồi bỏ lại ái ân
Thôi rồi bỏ lại đường trần em côi
Buổi thăm nuôi anh mất rồi
Lệ em đổ xuống mảnh đời vỡ tung
Thương đau, ôi hận trùng trùng
Biết anh dưới huyết vô cùng xót em!

3.

Thân phận người chinh phụ miền Nam dưới màu cờ đỏ... với bất hạnh, đau khổ, đoạn trường và tuyệt vọng.

Người chinh phụ miền Nam dưới màu cờ đỏ

“Dưới lá cờ đỏ vẻ vang
Núi xương, sông máu hàng hàng nhấp nhô”.
Thương em vỡ đất đồng khô
Cờ bay trên giải cơ đồ bể dâu
Cuối sông cờ dựng bên cầu
Đầu sông giăng đỏ rợp màu quan san.
Cờ bay! Đoạn ruột bầm gan
Tóc em rơi tả dưới hàng cờ sao
Bầm tay ngọc, nát thân đau
Ngẩng lên Tổ quốc một màu xác xơ!
Máu xương ai tưới đỉnh cờ
Mà dân nô lệ vật vờ tử sinh
Đầu sông máu nhuộm vô minh
Cuối sông thành quả như hình thịt xương.
Cờ bay! Lòng lộng đoạn trường
Cờ bay! Lịch sử cùng đường diệt vong
Cờ bay! Núi nát tan sông
Cờ bay! Lai láng máu hồng Việt Nam.
Nón che vạt nắng nghiêng cầm
Tay tiên gạt giọt lệ thấm ứa tuôn
Em ơi! Nhân loại mê cuồng
Cỏ cây còn biết cội nguồn khổ đau!
Tay lần sợi tóc hư hao
Em như chết tự kiếp nào không hay
Núi mờ bóng nguyệt lung lay
Càn khôn lịm chết, cờ bay vô hồn!

4.

“Vá cờ” là một trong những tác phẩm nổi danh của nhiếp ảnh gia quân đội Nguyễn Ngọc Hạnh, một sĩ quan Dù của QLVNCH, cựu trung tá Nguyễn Ngọc Hạnh. “Vá cờ” được dựng lại, ra đời để tưởng nhớ những chiến sĩ QLVNCH hy sinh trong trận Mậu Thân 1968 khi dựng lại cờ vàng trong nội thành Huế.

Dòng thơ “chinh phụ vá cờ” (*)

Một đời binh lửa anh ơi
Anh đi để lại một trời tóc tang

Chỉ kim vá lá cò vàng
 Nghe hồn anh động trong hàng lệ em
 Nghe mưa giọt nhỏ bên thềm
 Nhìn mưa mà tưởng lệ đêm không cầm
 Nhìn mưa, từng giọt tri âm
 Nghe mưa, mộng ngỡ anh cầm tay hoa
 Nghe mưa, em lệ nhạt nhòa
 Nhìn cò lại tưởng anh vừa trời trăn.
 Trời ơi! Mặt ngọt gối chăn
 Trời ơi! Hoa bướm khoa đăng ngày nào
 Vá cò mà tưởng chiêm bao
 Chỉ kim nào vá ba đào được anh
 Dang tay hỏi với cao xanh
 Hỏi sông núi cũ, hỏi thành vách nghiêng
 Hỏi bao chăn gối ưu phiền
 Hỏi bao nhiêu mảnh sầu riêng kín lòng
 Biết em vá núi khâu sông?
 Mà không vá được xác chồng hồi sinh!
 (*) Tác phẩm “Vá Cò” của nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh

5.

Người chinh phụ VNCH vượt biển tìm chồng và vĩnh viễn ra đi...

Người chinh phụ miền Nam quản ngục trong cơn đau tù tội của chồng sau 1975, mà đa số là thành phần sĩ quan miền Nam. Nàng mòn hao, khổ nhọc qua những lần thăm chồng trong các trại tù “cải tạo” đèo heo hút gió giữa những vùng rừng sâu núi thẳm của cộng sản; nàng đón đau buồn tủi qua những đêm dài đơn côi, lẻ bóng... Rồi bỗng một hôm, nàng nhận tin chồng vượt trại, thoát ra biển và vượt thoát ra đại dương... Và một hôm nàng bị giặc bủa vây, tù tội vì chồng.

Trong tù, nàng mừng chồng đã sống còn và đến bờ tự do. Nàng vui mừng và chấp nhận mảnh đời tối đen còn lại. Ra tù nàng chờ chồng héo hon, và con đường đoàn tụ của nàng là con đường vượt biển xuyên qua đại dương! Nàng đã vĩnh viễn ra đi trong sóng nước trùng trùng oan nghiệt.

Bên kia bờ đại dương, người chinh phụ lưu vong đoạn ruột từng đêm khóc vợ, từng đêm ra biển rộng nhìn về quê hương với hình bóng vợ nhạt nhòa, nổi trôi trên sóng nước đại dương...

Trái mẩy Xuân thư qua thư lại...

Em yêu!

Chàng:

Gửi em mấy ngọn Thu Đông
 Vàng trắng nửa mảnh còn trong tay ngà
 Nửa vàng trắng lạnh dậm xa
 Xót trắng, em với sơn hà ngã nghiêng.
 Ngày lên ôm khối sầu riêng
 Đêm nghe tóc loạn hóa điên phận người
 Chong đèn nhìn nụ em cười.
 Tên em mực viết bởi cơn đau.
 Biển chiều vạt nắng vàng hao
 Chim bay biển biếc trắng sầu biển sương

Từng đêm lại nhớ lại thương
Lại mơ, lại tưởng em đường đan tay.
Ngày lên nắng lạ cỏ cây
Lạ từng vạt nắng chân mây cuối trời
Lạ hình em trong gương soi
Lạ anh uống giọt đoạn đoài đổ tuôn.

Nàng:

*Anh! Em đã nhận thư anh. Đường như anh khóc! Trang thư nhiều chỗ nhòa mực.
Trời ơi! Không có anh, làm sao em có thể sống trọn kiếp này?! Chong đèn đọc thư
anh, em lịm theo đèn, em lịm theo trăng, em lịm trong cơn đau cô tịch, trong những
đêm dài thương nhớ anh khôn nguôi.*

*Sau ngày anh thoát khỏi tay thù, giặc vây bức em, giặc tù tội em. Em gánh hết
những gì anh để lại, cho anh ra đi, cho anh tung cánh chim rời xa đất trời an nhục.
Anh ơi!*

Sáng, em mặt ngọc u buồn
Sầu leo đỉnh núi, sầu tuôn bãi bờ
Thành sầu vây kín trang thơ
Tóc từng cọng chảy vạt vờ qua đêm.
Tay hoa vót suốt tóc mềm
Ngỡ anh đang đợi bên thềm ái ân
Mưa sa gieo hạt phong trần
Mưa hay lệ đắm những vằn ướt mi.
Lần em gọi cánh thư đi
Thư đâu chứa hết những gì cựu mang
Tên anh chưa viết trọn hàng
Dòng châu giọt ứa ngút ngàn nhớ thương.
Lối mòn cây cỏ vấn vương
Chân son nhẹ bước trên đường gió mưa
Thoáng trông giặc treo chéo cờ
Tuổi xanh bỗng hoá dư thừa hư hao.
Em xưa động nét ba đào
Giờ em héo rũ cùng màu cỏ cây
Giờ em mòn mỏi hao gầy
Giờ em đội kiếp lưu đày hóa thân.
Tay tiên vỡ đất ngại ngần
Bàn tay em hiện những vằn vô ngôn
Ước gì vỡ được càn khôn
Tắt đi vạt nắng vô hồn thiên thu.
Thân hoa giữa chốn bụi mù
Như con chim nhỏ tội tù sa cơ
Bây giờ cho đến bao giờ
Cành xanh lại trở ngọn cờ tự do?
Đêm về dệt ước thêu mơ
Ngày lên đối mặt cuộc cờ bể dâu
Tay tiên khấn chút nhiệm màu
Hiển linh rồi cũng qua cầu gió bay.
Anh ơi! Tuyệt vọng đông đầy
Thân em vóc ngọc hao gầy dáng hoa
Soi gương lệ lại vỡ òa
Vỡ gương lại sợ sơn hà nát tan.

Sài Gòn, vạt nắng xuyên ngang
Em đi bước lạ, hai hàng cây nghiêng
Bóng in đường nặng ưu phiền
Đường xưa, dấu cũ, mắt viền vết thâm.
Ngày xưa áo lụa tay cầm
Vạt bay tà mỏng âm thầm vương chân
Giày saut, áo trện ngại ngần
Chuyện trăm năm đã bao lần xót đau.
Trong cơn binh lửa nát nhàu
Nụ hôn ngày cưới, miếng trầu thủy chung
Ái ân chưa trọn tương phùng
Bồng đầu nhật nguyệt vỡ tung kiếp người.
Mùa Xuân vỡ nát khung trời
Anh thân chiến bại chôn đời cùm gông
Em như chiếc lá giữa dòng
Đất đau, trời hạ mấy vòng trầm luân.
Rồi anh thoát ngục, vượt trường
Rồi em giặc lại điên cuồng khảo tra
Đang tay ôm hết sơn hà
Nước đau em chịu, hận nhà em mang.
Mi em lệ đọng hai hàng
Thiên thu rụng chết trên bàn tay đau
Dấu em thân ngọc nát nhàu
Cũng mừng anh đã qua cầu nghiệt oan.
Mừng anh không chết đầu non
Mừng anh không chết cuối nguồn hoang vu
Anh không chết dưới tay thù
Thì em coi kiếp tội tù như không.
Trời sầu giăng ngọn gió Đông
Nhớ anh với mảnh chăn hồng ngày xưa
Nằm nghe hơi gió chuyển mùa
Cuộn chăn lại tưởng anh vừa gối tay.
Nỗi đau gặm nhấm ngày dài
Em như lá cỏ mọc ngoài gió sương
Thà em thân gái dậm trường
Tìm anh dù phải cùng đường tử sinh.
Ngày ra tù nhận mảnh tin
Thư anh trước mặt mà hình chiêm bao
Em như sống lại kiếp nào
Tái sinh cùng cỏ cây chào niềm vui.
Mỗi dòng thơ mỗi ngậm ngùi
Bao nhiêu thương nhớ chôn vùi đáy tim
Ước gì em hóa thân chim
Trùng dương xoải cánh đi tìm dấu anh.

Người chinh phụ vượt trùng dương...

*Anh! Em phải ra đi! Em không thể mỗi morn chờ anh trên đất chết dưới màu cờ đỏ.
Em vượt trùng dương muôn dặm tìm anh!*

Cách chia này mãi sao đành
Thân em chiếc lá trên cành cô đơn

Thà em mưa bão gió sương
Thà em sinh tử tìm đường gặp nhau.
Em đi bỏ lại trăng sao
Bỏ sông núi cũ, bỏ rào giậu xưa
Bỏ mái tranh, bỏ song thưa
Bỏ vòng tay mẹ, bỏ bờ vai cha.
Sáng nay ra phố gửi quà
Gửi anh một gói sơn hà nghiệt oan
Gửi anh sợi tóc hao mòn
Gửi anh sông lệ, gửi cồn cát thương.
Gửi anh nghìn mối tơ vương
Gửi anh Tổ quốc cùng đường bể dâu
Gửi anh đóm lửa Đông âu
Gửi anh hơi thở nhiệm màu tự do.
Tối nay ngồi dưới bệ thờ
Thiên thu đọng nặng hai bờ vai non
Hiếu trung xé nát mảnh hồn
Hơi sương gió quyện héo hon kiếp người.
Chân em sẽ đi cuối trời
Trăng nghiêng chéch bóng ngậm lời xót xa
Sương đêm đầm dẫu chân ngà
Bước đi một bước sơn hà vương chân.
Nửa đau đất lịm tàn ngàn
Nửa đau sóng giục một lần ra đi
Anh ơi, biển gọi thầm thì
Em thân chiếc lá hay vì sao băng.
Trời dang tay trái mây giăng
Thuyền em lướt giữa hai hàng nước trôi
Trăng soi bóng nước bồi hồi
Vàng trắng theo những vết ngời vỡ tung.
Nghìn sao rụng với muôn trùng
Một vàng trắng lạnh giữa vùng biển sâu
Chấp tay khăn chút nhiệm màu
Anh nơi cuối nẻo địa cầu có hay?!
Ôi Trời! Biển nổi cơn say
Càn khôn nghiêng đổ, gió bầy phong ba
Anh ơi! Tan ngọc nát hoa
Thân em thủy táng, lệ nhòa trùng khơi.

Người chinh phu trên đất khách...

Trời ơi! Em ơi!

Em đã không đến được bờ tự do. Em đã không về được với anh! Em đã vĩnh viễn ra đi vào lòng biển lạnh. Nỗi đau này làm sao anh có thể sống suốt cuộc đời còn lại mà không có em trên đất khách!?

Tại sao người chết trên biển rộng lại là em, người vợ thủy chung, tội nghiệp của anh?!

Vĩnh biệt em!

Vĩnh biệt em yêu!

Trèo lên đỉnh núi trăng rơi
Nhặt cành hoa rụng giữa trời Thu Đông

Xót hoa hương nhụy còn nồng
Xót em oan nghiệt giữa dòng thủy cung.
Ôi em chết giữa bão bùng
Chìm theo em một mảnh hồn vỡ tan
Chìm theo em những trái ngang
Chìm theo mái tóc, lệ tràn biển đêm.
Hồn em theo ngọn sóng êm
Tóc em theo sóng trải mềm chân mây
Mây đan sợi tóc em bay
Anh đêm nghiêng đổ, anh ngày tai ương.
Sương rơi, trăng lạnh bên tường
Lạnh xuyên trăm mối đoạn trường lưu vong
Từ lòng biển lạnh mệnh mong
Theo em có mảnh chăn hồng ngày xưa?
Trời ơi! Cứ tưởng là mơ
Cứ thương là xót, cứ chờ là đau
Cứ đêm bức tóc vò đầu
Cứ em ẩn hiện giữa mầu trùng khơi.
Dang tay ôm một mảnh trời
Mất em, anh mặc cõi đời sắc không
Ngùi trông con nước cuộn dòng
Gởi em tắc dạ, cõi lòng thủy chung.
Em yêu! Trời đất vô cùng
Cần khôn, nhật nguyệt tương phùng có khi
Vòng đời tử biệt sinh ly
Trăm năm còn lại chút gì cho em?!
Nâng ly, rượu đắng, môi mềm
Hương bay, nhang lạnh, nến đêm lụn tàn
Hình em rục rở dung nhan
Khóc anh gục giữa hai hàng nến trong.
Vĩnh biệt em yêu!

Hàng triệu người bỏ nước ra đi tìm tự do, có hàng trăm, hàng ngàn cảnh ly biệt trong đó, chàng thoát được ra nước ngoài, nằng kẹt ở lại quê hương tù... Và vì thế đã có vô số những dòng thư đoạn trường từ Việt Nam gửi cho người yêu thương...

Gói quà từ Việt Nam...

Sáng nay ra phố gửi quà
Gửi anh một gánh sơn hà nghiệt oan
Gửi anh sợi tóc hao mòn
Gửi anh sông lệ, gửi cơn cát thương
Gửi anh một chút đoạn trường
Gửi anh lịch sử cùng đường bể dâu
Gửi sang anh những thương đau
Gửi anh những giọt máu đào lương dân
Gửi anh Tổ quốc chết dần
Gửi anh xiềng xích đang cần vỡ tung.
Gửi sang anh những vô cùng
Nỗi đau lịch sử trùng trùng Bắc Nam
Gửi sang anh những thanh âm

Lời thiêng sông núi thét gầm truông sâu
Gửi anh chút lửa Đông âu
Gửi anh hơi thở nhiệm màu tự do
Lên non khắc đá hẹn giờ
Cắm trên đất lạnh ngọn cờ hiển linh
Chờ mai lịch sử chuyển mình
Tóc em lộng gió biên đình đợi quân!

Những ngày đầu của 30/04/1975, một số chiến sĩ VNCH, cá nhân hay từng đơn vị nhỏ..., đã bỏ thành vào rừng sâu để tiếp tục chiến đấu, dù trong tuyệt vọng. Một số anh em đem theo vợ con, có vài trường hợp, nàng quyết định ở lại gia đình... và không biết có bao nhiêu cảnh chia lìa thương tâm sau ngày 1975!

Lời gửi người chiến binh phục quốc...

Đầu sông em giặt áo chồng
Cuối sông hoa nở theo dòng phù sa
Hỏi em còn nặng mẹ cha?
Theo anh với gánh sơn hà được chăng?
Em ngồi xõa tóc mây giăng
Che tia nắng hạ, che hàng lệ rơi
Em che giọt lệ đời
Lòng đau đoạn ruột nói lời từ ly.
Nguyện anh khắp nẻo biên thù
Bình an với lá Quốc kỳ hậu thân.

Cuộc đời năm 1975 ở miền Nam là cuộc đời xuống cấp của mọi tầng lớp đồng bào miền Nam, trong đó có hình ảnh tội nghiệp của vô số những người vợ trẻ kẹt lại khi người yêu vượt thoát hay bị giam đày trong các trại tù của cộng sản...

Người chinh phụ Nam Việt Nam trên tuyệt lộ chủ nghĩa...

Gót son em hiện dấu càn
Niềm đau sông núi, vết hằn đời em
Năm dài trứng mắt thâu đêm
Em như hoa rụng bên thềm sớm mai
Ngày lên đội vạt nắng say
Tay em vỡ đất chôn ngày tháng Xuân
Em nghiêng nón hứng lệ buồn
Tà huy giục nhớ điên cuồng dấu xưa
Đường anh đưa em trong mơ
Con đường nay cắm ngọn cờ thù chung
Con đường mệnh nước lao lung
Con đường ghềnh lối vô cùng đón đau
Quê hương vẫn ngọn cờ sao
Đời em mòn mỏi đi vào thiên thu!

Và cũng có những chinh phụ cùng chồng thoát được ra nước ngoài, vượt biên hay đoàn tụ gia đình theo diện HO... Một ngày nào đó, nàng trở về cố hương thăm hay để tang cha mẹ, và nàng lại đi trên những con đường xưa, đau xót dưới màu cờ đỏ...

Đường xưa...

Khi em trở về thăm cố hương
Chân son em đi lại con đường
Ngày xưa áo lụa tà bay mỏng
Lối cũ còn gì chút phấn hương?
Có nhớ ngày non sông tóc tang?
Khi anh bẻ súng, lệnh qui hàng
Khi em liệm khóc trên đường phố
Khi mắt em nhòa lệ trái ngang?
Bây giờ đường cũ dấu chân xưa
Đường vẫn con in dấu bụi mờ
Cũng vẫn đường xưa sao nắng lạ
Chết tự bao giờ trong giấc mơ!
Thì cũng con đường anh đi qua
Nay em thui thủi dấu chân gà
Đường xưa cò đỏ reo trong nắng
Đất lạ vô tình đau cỏ hoa.
Cũng vẫn lối mòn dưới nắng Xuân
Em nghe gió gọi áng mây buồn
Về chung tan tác hồn vong quốc
Em giữa trời Xuân khóc cố hương!

Chương mười PHỤ TRANG

Tác giả xin được trích đăng hai bài thơ/nhạc “Ngày mai đi nhận xác chồng” (Lê Thị Ý/Phạm Duy) và “Hai hàng cây so đũa” (Nguyễn Huy /Trọng Minh). Đồng thời cũng đăng phần trích đoạn một bài viết từ truyện thật “Người nữ binh không có số quân trên kháng tuyến Ba Tơ” trong tác phẩm “Những Trận Đánh Không Tên Trong Quân Sử tập số 02 xuất bản năm 2006, do Hải Triều và Nhóm Nhà Văn Quân Đội chủ trương.

Những trích đoạn này là một phần “linh hồn” trong cuộc đời của hàng hàng lớp lớp những người chinh phụ Việt Nam Cộng Hòa. Suốt thời kỳ binh lửa, họ đã chiến đấu bên cạnh chồng, đau khổ, tóc tang với những vành khăn tang, và sau 1975 họ đã sống với những thảm cảnh tù tội của chồng trong ngục tù cộng sản...

HAI HÀNG CÂY SO Đũa

Thơ: Nguyễn Huy – Nhạc: Trọng Minh

Hai hàng cây so đũa
Lặng đứng nhìn xe qua
Lên thăm anh lần cuối
Hàng cây cũng nhạt nhòa.
Lên thăm anh lần cuối
Trong lòng em khóc thầm

Lên thăm anh lần cuối
Trong lòng em khóc thầm.

ĐK:

*Đưa con đi tìm sống
Trùng dương thật mệnh mông
Bờ tự do vậy gọi
Hợp tan rồi có không
Hợp tan rồi có không
Đời anh rồi vắng không
Đời em rồi vắng không, vắng không!*
Ra đi bao hờn tủi
Em ngậm ngùi khóc thương
Thương anh đời mòn mỏi
Hờn căm ngút đoạn trường!
Lên xe về, con hỏi
Mẹ ơi, đến bao giờ
Lên thăm ba lần nữa
Mắt em nhòa hơi mưa
Mắt em nhòa lệ hơi mưa!

TƯỞNG NHƯ CÒN NGƯỜI YÊU

Nhạc Phạm Duy.
Thơ Lê Thị Ý

(Ngày mai đi nhận xác chồng)

Ngày mai đi nhận xác chồng
Say đi để thấy mình không là mình
Say đi cho rõ người tình
Cuồng si độ ấy hiển linh bây giờ!
Cao nguyên hoang lạnh ơ hờ
Như môi thiếu phụ nhạt mờ dấu son
Tình ta không thể vuông tròn
Say đi mà tưởng như còn người yêu!
Phi cơ đáp xuống một chiều
Khung mây bằng bạc mang nhiều xót xa
Dài hơi hát khúc thương ca
Thân cô khép kín trong tà áo đen!
Chao ơi thềm nọ hôn quen
Đêm đêm hẹn sẽ chong đèn chờ nhau
Chiếc quan tài phủ cờ màu
Hắn lên ba vạch đỏ au phủ phàng!

Em không thấy được xác chàng
Ai thêm lon giữa hai hàng nén trong?
Mùi hương cứ tưởng hơi chồng
Nghĩa trang mà ngỡ như phòng riêng ai!

NGƯỜI NỮ BINH KHÔNG CÓ SỐ QUÂN TRÊN KHÁNG TUYẾN BA TƠ

(Trích đoạn từ tác phẩm “Những Trận Đánh Không Tên 2006” Tập số 2, phát hành năm 2006 của Nhóm Nhà Văn Quân Đội QLVNCH)

*Em tiếp đạn, bên mình súng trận
Em giúp chồng bắn chặn cuồng binh
Tuyến ngoài giặc loạn thất kinh
Chết như cây cỏ vô tình trướng sâu.*

....

Sau khi một số nhà dân bị Việt cộng đốt cháy trong trận tấn công dò dẫm phản ứng và khả năng phòng thủ của Ba Tơ, Tiểu Khu đã tiếp tế một khối lượng lớn đạn dược, lương thực và thuốc men cho quân trú phòng. Tin tức hoạt động địch được theo dõi và cập nhật từng giờ, từng ngày.

Trong khi các phương tiện phòng thủ Ba Tơ được tăng cường thì bên kia biên giới Lào Việt, cộng quân lập một căn cứ Ba Tơ thứ hai trên sa bàn, đặc công nghiên cứu, học ngày học đêm để làm sao có thể dứt điểm được Ba Tơ ngay trong đêm đầu với trận cường tập bằng biển người và pháo.

Nhưng một điều mà địch quân không ngờ là ngoài quân số chính thức có số quân, có quân bạ, có thẻ bài... Ba Tơ còn có những nữ binh không có số quân, những người đàn bà chiến đấu gan lì bên cạnh các ổ súng của chồng, kể cả những nhóc nhỏ con của các chiến sĩ Địa Phương Quân trú phòng ở chung trong doanh trại.

Các dãy giao thông hào, các công sự phòng thủ, các ổ chiến đấu... tua tủa các loại súng chia ra ngoài, những thùng lựu đạn, những thùng đạn đại liên, những ống phóng M72... sẵn sàng ngày và đêm, sáng và tối bất cứ lúc nào để khi bị tấn công, kháng tuyến bỗng chốc trở thành những lưới phản kích trên đầu địch ngay lập tức.

Cũng như đa số anh em Địa Phương Quân khác, anh Bầy Địa Phương Quân, 4 năm lính, một con 9 tuổi, cu Thành, một vợ vừa cần thai... sống với anh trong trại từ ngày mới cưới nhau. Chị Bầy tâm sự với bạn bè:

– Mình xuất giá thì phải tòng phu, “anh đâu thì em đó”, tui đâu có thể bỏ ảnh một mình trên cái chi khu Ba Tơ này được. Tui thương chồng tui, tui sống chết với ảnh, tui đem cả thằng cu Thành lên ở với ảnh trên cái tiền đồn heo hút này!

– Thế thì chị không sợ súng đạn sao?

– Thét rồi cũng quen! Có mấy lần Việt cộng đánh đồn, ảnh bảo tui ở trong hầm, nhưng khi quay lại, ảnh lại thấy tui bên cạnh, cũng đỡ buồn trong những lúc ảnh chong con mắt nhìn ra bóng đêm. Rồi khi bắn nhau với Việt cộng, ảnh chỉ tôi cách bắn nữa. Nay thì tui rành súng đạn lắm. Tui ném lựu đạn không xa, nhưng tui bắn cũng ngon lành không thua ai! Chị biết không, tui bắn rành cả M16 lẫn M79 đó! Đạn tui bắn hay đạn ảnh bắn, Việt cộng trúng đạn cũng lãnh theo chết lản quay như thường!

– Chị chiến đấu như lính, vậy chị có được phát lương không?

– Làm gì có chuyện đó chị! Tui thương chồng, tui chiến đấu bên cạnh chồng, tui đâu màng mấy cái chuyện lương lậu. Không mất chồng, không mất đồn là tui vui rồi!

Thế nhưng mùa hè năm nay, Ba Tư bị cộng quân đe dọa nghiêm trọng hơn... Anh Bầy lo cho an nguy của vợ con, anh muốn chị Bầy đem cu Thành về phố ở nhà bà Ngoại, chờ tình hình sáng sủa mẹ con hãy trở lại. Anh gọi vợ:

– Sáng mai có chuyến trực thăng tiếp tế và máy bay sẽ về lại Tiểu Khu, anh xin phép ông thẩm quyền cho mình và con theo máy bay về ở với bà bà già ít hôm. Trên này bây giờ căng thẳng và nguy hiểm lắm!

– Không! Em và cu Thành ở lại với anh! Em mà về ở dưới đó, nghe tin Việt cộng đánh đồn là em lo cho anh, bỏ ăn, bỏ ngủ. Em đâu sợ chết! Em không về!

– Còn cu Thành! Có muốn về Ngoại ít hôm không?

– Không! Con ở lại với Ba!

...

Anh Bầy bỏ thùng đạn xuống chân, đến ôm vợ và con vào lòng, cảm động:

– Thôi được! Sống chết có nhau. Anh còn một cái áo giáp cũ để ở góc giường, tối nay em để bên cạnh và mặc vào khi phải ra giao thông hào với anh! Cu Thành ở trong hầm, khi ba gọi mới ra theo đường ba thường chỉ con đi. Con không được bỏ lên mặt đất lợm dù hỏa châu như mấy lần trước khi súng còn bắn, nghe chưa?

.....

Cùng lúc, các tuyến phòng thủ bên Biệt Động Quân Biên Phòng cũng bị tấn công đồng loạt, Bắc quân có kế hoạch áp lực nặng hơn bên tuyến Địa Phương Quân với hy vọng chọc thủng hàng rào mặt này. Các loại thượng liên và pháo địch cày tung tóe những mô bao cát trước mặt anh Bầy. Anh Bầy tay siết cò, vai đưa súng xoay qua lại, lưới lửa phòng thủ đan chéo vào các toán địch quân sát hàng rào đồng như kiến.

Khẩu đại liên của anh và khẩu của hạ sĩ Bình nổ không biết bao nhiêu thùng đạn, anh không nhớ. Anh Bầy bình tĩnh, không quay lại, mắt chong về phía trước, miệng anh gọi chị Bầy:

– Em chuyển gấp thêm mấy thùng đạn đại liên đến sắp sẵn cho anh!

Chợt chị Bầy la lớn:

– Trời ơi! Tụi nó cắt xong một mảng hàng rào ngoài và đang ủa về phía hàng rào thứ hai hướng mình anh ơi!

– Kệ cha nó! Mình bắn ngả bao nhiêu, nó tràn vô bấy nhiêu! Nhưng còn nhiều vòng tử thần khác mới vô sát mình được! Để anh săn sóc tụi nó! Em chụp lẹ cây M16 chơi tụi nó phụ anh! Bắn rất chỗ cục gò mối để anh thay giầy đạn, hết băng đạn, em thọt quả M79 nhắm vào chỗ đó cho anh!

Chị Bầy chụp súng tỉ vai bắn thành thạo như một chiến binh từng trải chiến trường. Khi khẩu đại liên của chồng khạc đạn trở lại, chị đổi hướng M16 chĩa súng vào những bóng đen đang tấn kích phía cánh trái anh Bầy...

.....

Cánh quân của Sư đoàn Sao Vàng cường tập phía Tây Bắc căn cứ Ba Tư bị đập nát, phía kháng tuyến thuộc trách nhiệm của Tiểu đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng, tiếng súng địch cũng im dần. Địch rút lui về biên giới Lào Việt khi trời hừng sáng để tránh phi kích ban ngày.

Chiến trường Ba Tư yên tĩnh trở lại như đầu hôm. Mặt trời bò ra khỏi đám mây phương Đông, ánh sáng buổi sớm mai chiếu rọi những tàng cây trụi lá bên bờ rừng xa xa mà hôm qua chúng vẫn còn xanh. Lá quốc kỳ trong căn cứ Ba Tư vẫn bay lồng lộng trong nắng sớm.

Anh Bầy ngồi dựa vào thành bao cát lim dim mắt nhìn về hướng rừng. Chị Bầy mệt nhoài, nằm ngủ say dưới chân chồng với cây M16 còn trong tay chị. Một đêm

lửa đạn đã qua. Và một đêm lửa đạn có thể sắp đến, tàn bạo và ác liệt hơn
.....

Hải Triều

(“*Những Trận Đánh Không Tên Trong Quân Sĩ QLVNCH*” Tập 02/2006)

LÊN NÚI TÌM CHỒNG

Trần Thị Đông Phương

“Nàng chinh phụ trong Chinh Phụ Ngâm, má hồng trau chuốt như thế nào, chỉ đọc, chỉ nghe mà không thấy, bây giờ, chúng tôi, những người vợ lính đi lên núi, vào rừng tìm chồng, có lẽ cơ khổ và trau chuốt hơn bà vợ chàng hào kiệt của Chinh Phụ Ngâm Khúc gấp mấy lần!”

(Chuyện đã xưa, nhưng xin viết lại để không quên thù.)

*

Sáu năm dài thật dài, ngày này qua tháng khác, tôi mong ngóng tin tức của chồng, biệt mù, không một ai trong tất cả những người đàn bà có chồng đang ở trại tập trung cải tạo, biết chồng mình sống ra sao, khỏe, yếu như thế nào – mù tịt. Họa hoằn, tôi mới nhận được một mảnh giấy, với vài dòng như công thức định sẵn. Bao giờ cũng là... *anh học tập tốt ... lao động tốt ... Em yên tâm, cách mạng rồi sẽ khoan hồng cho anh về với gia đình và trở thành người công dân tốt ...* mĩa mai và trơ trẽn, tôi nhận thấy như vậy. Tôi đang giữ trong túi 4 miếng giấy, cũng chỉ có bấy nhiêu chữ. Tôi thu xếp hàng, đem gởi nhà người quen, để về sớm hơn thường lệ.

Trong nỗi khổn cùng, tôi cũng gặp được điều may. Chị Liễu, vợ anh Lượng, họ là bạn của gia đình tôi. Anh chị Lượng trước 30-4-75, có tiệm buôn bán xe gắn máy, xe đạp và phụ tùng, thuộc loại lớn ở Ngã Bảy, ngay đầu đường Minh Mạng. Từ lúc 9 giờ sáng ngày 30- 04-75, Anh Lượng cũng là quân nhân, chạy ra bến Bạch Đằng và biệt tích đến bây giờ, thoát hay chết chưa ai biết. Chị Liễu là bạn học của tôi, ở lại với 6 đứa con, tiếp tục bán đồ xe đạp, chỉ là đồ xe đạp thôi, vì nhà cửa kho hàng bị tịch thu. Chị Liễu thương tình đã gọi tôi lên chỗ chị ta, nhường lại cho tôi một số phụ tùng để bán lẻ nơi lề đường. Hai chị em mỗi sáng trải chiếc poncho của chồng để lại, bày lên đó những thứ phụ tùng xe đạp. Trời cũng còn thương kẻ khổn cùng, nên những chú Bắc kỳ vào Sài Gòn vẫn thích tìm mua, nhờ vậy mẹ con tôi vẫn còn được ngày hai bữa cơm ăn.

Tôi về sớm vì con gái lên chỗ tôi bán hàng cho hay:

– “Mẹ ! có thư của Bố, kèm theo phiếu thăm nuôi, Bố dặn cách xin giấy đi thăm, mẹ về coi thì mới biết được!”

Sáu năm xa cách, tuy chẳng hề được nhìn mặt một giây, nhưng dù vài chữ tôi vẫn thấy ấm lòng, nhìn nét chữ của anh, tôi hình dung ra khuôn mặt yêu dấu của chồng, nhất là nghe thằng con út đọc thư oang oang, tôi cũng vui được đôi chút và cầu nguyện xin ơn trên che chở cho chồng, cho đồng đội của anh sống sót trở về. Lần này thì đúng là thư thật, vì được viết dài hơn một trang giấy. Tuy không được kể lể tâm tình, thương nhớ, khỏe, yếu; bù lại, anh hướng dẫn tôi phải làm những gì để được chấp thuận cho đi thăm.

Việc đầu tiên là tôi phải mang thư, giấy thăm nuôi của trại cải tạo gửi về, kèm theo hộ khẩu, đến phường, nơi cư ngụ để được xác nhận là tất cả những thứ mang theo đó là đúng. Tình trạng cư trú của gia đình đúng, là vợ chính thức của anh ấy. Phường chứng thực xong, viết cho mấy chữ giới thiệu lên Quận, để chính thức cấp giấy đi đường, cho phép đến trại cải tạo thăm chồng đang “học tập cải tạo”.

Lên tới Quận, lại thêm một lần may mắn, trong lúc ngồi chờ duyệt xét giấy tờ, tôi gặp được các chị cũng xin giấy đi thăm nuôi chồng, hỏi ra thì được biết, các chị ấy là vợ anh Tâm (KQ), vợ anh Bình (BĐQ), chị Đỗ Văn Nhĩ (SĐ.18BB) và cô Tuyết, đi thăm hai người anh ruột, anh Lê Hoàng Nghi, cùng trại Lam Sơn, Thanh Hoá. Sau đó Tuyết lại còn đi tiếp ra trại Ba Sao thăm anh hai là Tướng Lê Minh Đảo.

Chưa lên đường, chúng tôi đã thấy mối cảm thương dành cho Tuyết, lận lộn, cơ cực, đi thăm hai người anh đang trong tù cộng sản, khoảng vài phút làm quen, cùng cảnh ngộ, nên chúng tôi thân nhau nhanh chóng và hẹn nhau mua vé xe lửa, để được đi cùng chuyến và cùng toa xe, để chuyện trò hàn huyên, hy vọng quên vất vả dọc đường.

Có giấy phép cho đi Thanh Hoá thăm nuôi chồng rồi, tôi bắt đầu lo tiền để mua sắm thức ăn, chẳng còn gì ngoài mấy lon gạo, vài ký khoai mì hợp tác xã bán theo hộ khẩu. Vật dụng thì còn cái tủ lạnh, biết bán nó cho ai bây giờ? Nhìn quanh, tôi đang bơ vơ một mình, gia đình chồng thì chưa liên lạc được, suy nghĩ đến đâu cả óc, cuối cùng tôi phải cầu cứu mẹ:

– Mẹ ơi! Tuần sau con đi thăm chồng ở Thanh Hoá, con chỉ còn đúng 30 \$ và mấy lon gạo, phải làm gì bây giờ hở mẹ ?!

Mẹ tôi im lặng, suy nghĩ giây lát rồi nói:

– Con xem có còn cái gì bán được thì bán đi! Mẹ sẽ nói các em mày nó phụ mỗi đứa một chút. Cố gắng đi con ạ!

Bố tôi nghe được, ông thở dài, quyết định thật nhanh :

– Đừng lo, Cậu còn cái máy chụp hình Canon, bây giờ cũng chẳng cần đến nữa, cậu cho con, đem lên nhờ cô Liệu quen biết nhiều bán giúp, lấy tiền mà thăm nó!

Tủi thân thế đấy! Lấy chồng làm quan, bao nhiêu năm, giờ đây lại vẫn phải dựa trong vòng tay cha mẹ để nương nhờ. Bán chiếc máy ảnh, tôi bán luôn chiếc nhẫn cưới một chỉ vàng đang đeo trên tay, tạm đủ để mua vé xe lửa và ít đồ khô, theo sự ấn định cho phép của “cách mạng”. Các em tôi được mẹ tôi hào hào, đã xúm nhau mỗi đứa cho ít đồ ăn khô và chút tiền. Tôi tưởng tượng thật nhiều về chuyến đi tìm chồng lần đầu, bao nhiêu ngày đêm mòn mỏi nhớ thương, lo âu và cả hận thù, oán ghét kẻ đã giam cầm chồng tôi.

Tôi suy đoán, gặp nhau chắc anh mừng lắm. Tôi sẽ được sờ lên mặt, cầm tay chồng, dù chỉ chốc lát cũng đã cho tôi nhiều an ủi và yên tâm tận tảo nuôi con chờ ngày anh về. Đã sáu năm, cả hai chúng tôi đang bắt đầu vào tuổi già. Chúng tôi cùng ngoài bốn mươi.

Đúng 5 giờ sáng Chủ nhật, tôi và thằng con thứ ba, sau hai chị nó, mang đồ đạc lên ga xe lửa, thật ra đồ đạc cũng chỉ có trong hai cái giỏ đệm (bao bị cói) và một túi nhỏ đựng vật dụng riêng của hai mẹ con, cháu đeo sau lưng. Tới ga, tôi gặp đủ những chị đã gặp ở quận hôm đi xin giấy, ngoài ra còn có các chị đi thăm chồng, nhưng khác trại như Thanh Cẩm, Thanh Lâm, Kỳ Anh (Nghệ Tĩnh) v.v..

Có lẽ đây là lần đầu, nên số người đi ra Bắc tìm thăm chồng khá đông. Chúng tôi không đủ tiền mua vé tàu suốt, nghĩa là chạy thẳng từ Sài Gòn, không ngừng các ga nhỏ. Chúng tôi mua vé tàu chợ, thời gian đến sẽ kéo dài hơn vì tàu ngừng nhiều ga, để khách buôn lên xuống. Chúng tôi chen chúc nhau lên tàu, quả thực là vất vả, trong toa, kẻ nằm người ngồi ngổn ngang, đủ các loại hàng, từ thú vật như gà, vịt, lại có cả hai con heo con, cũng được bỏ rọ mang đi. Mùi phân thú, mùi mắm, mùi

người nòng cả toa, mỗi lần bị đụng chạm hay xô lấn, lũ gà, vịt kêu réo oang oác, hai con heo cũng eng éc phụ họa.

Từ thuở bé, tôi chưa được đi xe lửa lần nào, nay là lần đầu tiên, cảm thấy hơi khó chịu, nhưng tự an ủi: “Có chỗ cho mình đi là may rồi!”

Chị vợ anh Nhĩ thật nhanh nhẹn và mau mắn, chị vượt lên trước, loay hoay thế nào kiếm được một chỗ trong góc toa, chị gọi chúng tôi mang đồ để chung vào một nơi, để canh chừng. Chị Nhĩ dặn:

– Chị em mình có ngủ thì chia làm hai, một nửa thức giữ đồ đạc, lơ dểnh chúng nó lấy mất!.

Tiếp theo chị ghé tai từng người nói thật nhỏ:

– Nếu có tiền hay vàng giữ thật kỹ, coi chừng bị cắt túi đó, mấy thằng móc túi nó lẹ và ma mãnh lắm!

Chúng tôi cố thu xếp cho nhau để mỗi người có một chỗ ngồi, lúc ngủ thì dựa người trên mấy cái giỏ đồ, hoặc tự gục trên hai gối của mình, nhưng có lẽ không ai ngủ đúng nghĩa, mà chỉ thiếp đi trong cơn mệt, phần háo hức mong gặp mặt chồng, phần lo lắng nên chỉ chấp chờn theo âm điệu của tiếng bánh sắt nghiền trên đường ray.

Con trai tôi thì quên cả chậ chội, chẳng quan tâm đến mùi hôi hay thơm trên tàu, cháu len ra chỗ hai toa tàu nối nhau, có chỗ cho người đứng, nó đứng giữa hai người đàn ông để an toàn và dõi mắt nhìn say mê cảnh vật dọc đường, chỉ lúc thật mệt và mắt nhắm, cháu mới trở vào chỗ, tội nghiệp cháu, nó sợ tôi mệt, đói, nên thỉnh thoảng lại nhắc chừng:

– Mẹ ăn gì chưa? Mẹ có khát nước không?

Hành trình khởi sự từ ga Hoà Hưng Sài Gòn, đến ga Thanh Hóa vừa mất đúng 3 ngày, 3 đêm, tàu vào ga Thanh Hóa lúc 9 giờ sáng. Chúng tôi vội vàng phụ nhau khiêng vác đồ thăm nuôi xuống, đặt cạnh đường ray. Tất cả đều ngơ ngác, chón lạ, xứ người. Chúng tôi lấy thư của chồng ra coi lại, trong đó có chỉ dẫn của trại tù viết trên giấy. Chúng tôi đi về cuối ga, gặp hai tù hình sự do một công an có súng đã đợi sẵn. Một trong hai anh tù hỏi:

– Các chị có phải “nà” người đi thăm cải tạo, trong trại “lăm Nam Sơn” (5, Lam Sơn) không?

Chúng tôi trả lời đúng, lúc đó người công an mới lên tiếng:

– Bọn tôi đợi ở đây để giúp các chị chở tiếp phẩm vào trại! Hai thằng này sẽ đánh xe trâu đến để xếp đồ lên, chỉ chờ đồ đạc thôi nhé, người đi bộ theo sau, đường khá xa và qua phà nữa đấy. Để tranh thủ, bây giờ là 10 giờ – Đúng 10 giờ 30 ta sẽ về trại. Các chị vào trong lều gần xe trâu nghỉ đi.

Khoảng đường từ Thanh Hóa vào đến trại 5 Lam Sơn thăm thăm, qua đồng, qua ruộng, hết ruộng đến núi, lại rừng. Nàng chinh phụ trong Chinh phụ ngâm, má hồng trau chuốt như thế nào, chỉ đọc, chỉ nghe mà không thấy, bây giờ, chúng tôi, những người vợ lính đi lên núi, vào rừng tìm chồng, có lẽ cơ khổ và truân chuyên hơn bà vợ chàng hào kiệt của Chinh Phụ Ngâm Khúc, gấp mấy lần.

Dọc đường, ai cũng phải ngồi xuống xoa bóp chân mình nhiều lần. Tôi có cảm giác như mấy chục mũi gai đâm vào lòng bàn chân, chị Nhĩ khóc meo meo:

– Cha ơi! Mẹ ơi! Sao lúc nhỏ cha mẹ không tập cho con đi bộ?!

Cũng còn may, chúng tôi ai cũng đi giày vải (Bata), nếu đi giày khác chắc chết. Cả bọn ai cũng lặc lè, sắp quỵ, duy nhất có con trai tôi, vì tuổi nhỏ, mong gặp Bố, lại được đi xa lần đầu, lạ cảnh, thỉnh thoảng cháu liếc nhìn đu lên sau xe trâu ngồi đờ vài phút, cũng không bị quở trách, vì thế, cháu có vẻ chưa đau chân và mệt.

Cố gắng cách mấy, chúng tôi cũng không thể nào đến trại Lam Sơn kịp trong ngày, đường đi khá xa, có lẽ cũng vài chục cây số, mặt trời đã tụt sau dãy núi phía

Tây, dãy đồi thấp, hàng cây hai bên đường bắt đầu nhòa bóng, thỉnh thoảng mới gặp hai, ba người đi thồ hàng, đạp xe vội vã vượt qua hoặc ngược ra ga Thanh Hóa.

Chúng tôi đi thêm được chừng hai cây số, đến một khu phố buôn bán, có ngôi chợ nhỏ đã họp xong buổi sáng. Người công an áp tải cho lệnh hai “tài xế xe trâu” dừng lại nghỉ, đường còn xa, không đi kịp. Họ chỉ cho chúng tôi khu nhà trọ, dặn dò:

– Các chị thuê chỗ ngủ trọ, sáng mai tập trung tại quán nước chè, chúng ta sẽ đi tiếp!.

Mẹ con tôi đã trải qua một đêm chưa bao giờ khiếp hãi đến thế. Bộ ván, chiếc chiếu ước chừng đã khá lâu không được làm vệ sinh, giặt giũ. Thật mệt, nhưng giấc ngủ vẫn không đến với chúng tôi, vì nhiều lý do. Nỗi sợ ám ảnh, phải đối phó với hàng trăm, hàng ngàn con rệp, chị em đành ngồi kể chuyện cho nhau nghe chờ sáng.

Khoảng 12 hay 1 giờ trưa hôm sau thì chúng tôi tới trại 5 Lam Sơn, con đường ngoằn ngoèo, vòng qua dãy núi đá không cao lắm, xuyên qua một khu đất rộng đang canh tác, nhìn từ xa, không ai biết, tới gần, chúng tôi mới nhận ra. Họ là tù, toàn thể là nữ tù, chia thành nhiều tổp, trồng đậu phộng, cấy lúa v...v...

Đám người này khá đông, nhưng dường như họ là những bộ máy, lạnh lùng làm công việc của mình, âm thầm như những chiếc bóng, đầu phủ kín bằng những tấm khăn vải để chống nắng. Người cuốc đất, người nhổ cỏ, hoàn toàn lặng lẽ, đến cả hai giám thị công an, một nam và một nữ, như hai pho tượng, ngồi kế bên nhau trên bờ đường. Trên lưng áo vải mỗi người đều có hàng chữ Lam Sơn 5. Chúng tôi còn gặp thêm hai toán người đang đập đá để nung vôi. Nhận ra chúng tôi, một vài anh cũng lên tiếng hỏi: “Các chị đi thăm ai?”, nhưng chỉ có thế, vì các anh đã buộc phải im tiếng.

Sau khi làm những thủ tục của trại tù xong, đã vào buổi chiều, hết giờ thăm nuôi, chúng tôi phải chờ qua ngày sau. Người cán bộ phụ trách thăm nuôi, dẫn chúng tôi vòng ra sau căn “nhà việc” (văn phòng) để đến nhà vắng lại. Sáu người ở chung một gian nhà, vách ván, mái ngói, kê ba chiếc giường tre, trong trại tương đối sạch hơn, chiếu còn mới. Họ cho mượn mùng, nếu ai không có, chúng tôi rủ nhau xuống bếp, ngay đầu nhà, có sẵn củi, nồi. Củi phải mua mỗi người 5 đồng, nồi cho mượn, vợ Bình (BĐQ) đem lon mắm ruốc xào thịt ra xào lại để tiếp tế cho chồng, tôi cũng xào lại lon gà kho gừng cho khô thêm.

Thời gian chờ đợi, dằn vặt, xao xuyến trong lòng chúng tôi không ít, cứ đứng lại ngồi. Mỗi lần có anh “cải tạo viên” đến, chúng tôi lại rướn cổ nhìn, nhưng vẫn là chồng người ta. Máy ông tuy là mặc đồ lành lặn, sạch sẽ, nhưng nhìn bóng dáng đi, bộ điệu cổ ưỡn ngực thẳng lưng, vẫn chẳng dấu được cái tiêu tụy, tàn tạ, trên thân thể. Ai cũng giống nhau, sự hành hạ qua năm tháng đã làm họ mất thật nhiều phong độ, cố giữ cho thẳng mà vẫn xiêu vẹo. Giờ này qua giờ khác, lại mất một ngày nữa chờ. Chúng tôi an ủi nhau, mình tới trại sau, nên được gặp sau, chắc chắn ngày mai sẽ đến lượt mình.

Ngày thứ ba, kể từ ngày chúng tôi bước vào khu thăm nuôi của trại 5, chừng 10 giờ sáng, cán bộ thăm nuôi đến gọi chị Tâm (KQ) và Tuyết, em anh Lê Hoàng Nghi, lên phòng thăm nuôi, mọi người vui hẳn lên và hỏi hớp. Mười lăm phút sau, việc thăm nuôi xong, chị Tâm và Tuyết trở lại, mặt đỏ vì vừa khóc xong. Tuyết vội vàng thu xếp đồ và nói:

– Em chào các chị, em phải đi ra Ba Sao ngay bây giờ! May quá, có xe của trại ra Thanh Hóa, họ cho em quá giang!

Nhìn theo Tuyết quảy đồ ra cửa, chúng tôi không ngăn được xúc cảm. Tội nghiệp cô bé, lặn lội, vất vả, đi thăm hai anh ở cách nhau hàng trăm cây số!

Cuối cùng rồi cũng đến phiên mình, sáng ngày thứ tư ở trại (thật ra mới có ba ngày rưỡi) vợ Bình, vợ anh Nhĩ và tôi, cùng được gọi lên nhà thăm nuôi một lượt, ba người ngồi một bàn, con trai tôi ngồi sau lưng tôi. Chừng 10 phút sau thì một tên công an bước vào phòng, anh cán bộ thăm nuôi vội đứng dậy chào rồi nói:

– Báo cáo anh, các chị ấy đã tập hợp đủ!

Chúng tôi chưng hửng, tự hỏi:

– Sao lại thế này, chồng tôi đâu? Thằng quỷ dịch này là đứa nào? Bước vào chẳng chào hỏi, mặt như âm binh, lạnh ngắt.

Một chút sau hắn mới lên tiếng :

– Chào các chị! Các chị đi đường chắc vất vả lắm, nhưng nghỉ mấy ngày, chắc cũng khỏe rồi! Tôi là Bắc, cán bộ chấp pháp trại, hôm nay đến đây có mấy điều quán triệt với các chị!

Hắn ngừng lại, nhìn mặt chúng tôi thật chậm và làm oai. Tôi cũng nhìn lại hắn, quan sát và nghĩ: “Hèn chi nó làm chấp pháp (an ninh) là đúng, mặt tái xanh, mắt như hai lần chỉ, môi dày và đen như hai miếng thịt trâu phơi nắng.” Tên Bắc chột hỏi :

– Chị nào là vợ “cải tạo viên” Bình, chị nào là vợ “cải tạo viên” Đình?

Chúng tôi dơ tay. Lại im lặng và hồi hộp.

– Thật là quá đáng, từng ấy năm học tập cải tạo, uổng công “cách mạng” quan tâm giáo dục, chưa nói tổn cơm, tổn của. Chồng các chị thuộc loại không thể cải tạo, “cách mạng” rồi sẽ phải xử lý!

Tôi và X rưng rờ, nghẹt thở, há miệng mà không thở được. Giọng tên Bắc lại cất lên chì chiết:

– Một bọn phản động, ngoan cố, cấu kết với nhau, ra sức chống phá “cách mạng”, cách này, cách khác. Bọn phản động ấy có chồng hai chị, tụ họp lại bày đặt tuyệt thực, yêu cầu cải thiện, cho nên trại đã tạm thời kỷ luật các tên này, để tạo cơ hội hối lỗi cho bọn họ. Các chị không tin lời tôi nói à? Đây, để chứng minh, tôi đọc cho các chị nghe lệnh tạm giam những tên phản động. Cầm thăm nuôi bốn lần.

Hắn đọc tên từng người một: Nguyễn Xuân, Hồ Văn Phước, Phan Nhật Nam, Hồ Công Bình và chồng tôi, có tất cả trên 10 người, nhưng tới lúc này thì tôi mắt hoa, đầu váng, mọi vật quay như chong chóng. Vẫn giọng tên Bắc:

– Đây bọn phản động, nguyên cả một buồng, các chị hiểu không? Giờ phút này rồi, còn gì nữa đâu mà vọng động. Các chị về viết thư động viên chồng hối cải, lao động, học tập cho tốt, để còn về chứ. Trại lần này họp, các đồng chí lãnh đạo đã nhất trí để hai chị đi về, lần sau sẽ thăm nuôi!

Tôi cố chỗi tay, để đầu không gục xuống bàn, đưa tay trái véo nhẹ lên tay vợ Bình. Cần phải can đảm! Lát sau vợ Bình hỏi :

– Trại không cho gặp, vậy xin cho chúng tôi gửi thuốc và chút đồ ăn cho chồng tôi có được không?”

– Không được, đã kỷ luật thì phải cấm hết, mang về đi các chị! Trại đã lo đủ cả, thuốc men, ăn uống không lo!

Biết là vô ích khi mình đang nói với một xác ướp, nên chúng tôi càng im lặng. Tên Bắc đi rồi:

– Các chị yên tâm, động viên chồng học tập cho tốt, biết đâu chừng sau lần kỷ luật này, các anh tiến bộ, lại được tha về sớm!

Tôi có ý nghĩ muốn trở thành người đàn bà đánh đá, chửi vào mặt thằng xác ướp này vài câu, nhưng nghĩ lại, làm vậy là dại. Thôi! Liếc qua vợ Bình cười nửa miệng. Muôn ngàn cơ cực, đến mà không gặp. Niềm đau, nỗi buồn đã đóng băng trong lòng hai người chúng tôi. Bắc hướng qua chị Đỗ Văn Nhĩ, giọng trở nên dịu dàng:

– Chào chị Nhĩ, hết mệt rồi phải không? Vất vả quá đấy nhỉ?! Chị vui lòng cho tôi xem thư và giấy thăm nuôi từ trại gửi về cho chị nào?

Liếc đọc lá thư, tờ giấy thăm nuôi, tên Bắc hỏi tiếp:

– Chị nhận được thư này lúc nào?”

– Tháng 8, cán bộ! Trong thư đề tháng 3, nhưng tháng 8 tôi mới nhận được, có sao không cán bộ?”

Tên Bắc thở dài, cố làm vẻ trang nghiêm:

– Tiếc quá, chị nhận thư anh Nhĩ hơi muộn, sớm hơn thì chị đã gặp chồng, bây giờ thì quá muộn!

– Trời, sao vậy cán bộ, chồng tôi làm sao, anh ấy bị cái gì? Anh Nhĩ làm sao rồi?

– Chị bình tĩnh nghe tôi nói, như chị đã biết, anh ấy có hai ba thứ bệnh từ thời “ngụy”, vừa suyễn, vừa cao máu, trại đã chữa hết sức rồi, đồng chí y tế đã tận lực, nhưng anh Nhĩ đã chết hồi giữa tháng 6! Anh ấy là người cải tạo tốt, sắp được tha về!

– Trời ơi là Trời! Chồng tôi sao lại chết! Ba mẹ ơi! Chồng con chết rồi! Anh ơi! Tưởng ra đây gặp anh, bây giờ anh đi mất, bỏ mẹ con em, bỏ ba má sao anh?! Chồng tôi năm nay mới có 32 tuổi, làm sao mà cao máu? Anh ơi, anh chết oan rồi!”

Hai chúng tôi cùng chồm qua, ôm lấy vai chị Nhĩ, cố kèm, nhưng rồi cũng khóc theo, vợ anh Bình mếu máo khuyên:

– Chị nín đi, chị nín để hỏi cán bộ anh ấy chôn ở đâu chứ!

Chị Đỗ văn Nhĩ rũ xuống như tàu lá, toàn thân lạnh và mềm oặt, hơi thở đứt quãng. Chị Nhĩ đã mê đi trong cơn đau mất chồng. Vợ Bình vội lần trong túi áo bà ba lấy ra chai dầu gió thoa lên trán, thái dương cho chị Nhĩ miệng vẫn gọi liên hồi:

– Tỉnh đi, dậy đi để đi tìm mộ chồng chứ! Tỉnh dậy đi chị Nhĩ!

Im lặng một lúc, khoảng năm, mười phút, tên cán bộ Bắc lại nói:

– Thôi, để tranh thủ, trại sẽ giao lại cho chị vật dụng của chồng chị và giấy chứng nhận anh Nhĩ đã chết bệnh. Sau đây, tôi bận công tác, đồng chí Cận (tên cán bộ phụ trách thăm nuôi) sẽ đưa chị ra chỗ mả anh ấy!

Tôi và vợ Bình cũng xin đi theo, nhưng không được chấp thuận. Mấy chị em chúng tôi quay về Sài Gòn lúc mờ sáng ngày hôm sau. Ngày thứ năm ở trại cải tạo của chồng, nhìn những dãy nhà cũ kỹ, khóa kín cửa, tôi tưởng tượng là chồng tôi đang phải bị giam nhốt trong những ngôi mộ đó, gần ngay kế bên mà cách biệt muôn trùng. Ngày đi náo nức, mong ngóng hy vọng bao nhiêu, nay trở về, cõi lòng tan tác, sự thất vọng chiếm hết mọi suy tư. Chúng tôi đi trong vô thức.

Tội nghiệp chị Đỗ văn Nhĩ, nếu không có bạn đồng hành chúng tôi phụ giúp, không hiểu chị có còn đủ sức, đủ nghị lực để về với các con không. Điều an ủi là ngày về, nhân chuyến xe trâu đi không, họ đặc ân cho chúng tôi quá giang, với giá 10 đồng một người đến ga Thanh Hoá.

Phải chăng những người đàn bà Việt Nam chúng tôi, những người vợ lính VNCH, là người bị đọa đầy hơn tất cả mọi người của thế gian . /

Trần Thị Đông Phương

8 – 2004

LỜI CUỐI

Tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hòa ” thời chiến tranh Việt Nam là một phần thực của lịch sử trong cuộc chiến tranh Việt Nam, nó là máu, nước mắt, ngục tù, đồ vỡ, chia lìa, tan tác ... trên những mảnh đời của không biết bao người chinh phụ miền Nam.

Tác phẩm không có bất cứ câu thơ nào lấy từ điển tích cổ xưa, mà nó là một phần đời thực của những con người, nay, có thể đã chết trong tù, trong cuộc chiến, trong lòng đại dương, hay còn sống trong ngục đồ cộng sản ở Việt Nam, hay đang sống còn trên những vùng đất tự do sau khi thoát khỏi chế độ cộng sản bằng đường bộ hay qua biển rộng hoặc qua ngã đoàn tụ gia đình, HO...

Tác giả, một sĩ quan miền Nam sống còn trong cuộc chiến, trong tù tội, trên đường vượt thoát qua biển rộng, một chinh phụ miền Nam trên đất khách, chân thành tri ơn và xin gửi tác phẩm này đến nàng chinh phụ của tác giả và vô số các chị, những nàng chinh phụ VNCH sống còn sau cuộc chiến kết thúc bi thảm năm 1975...

Tác giả cảm ơn các chị. Tác giả tri ơn bất cứ ai đọc và chia sẻ tác phẩm này đến các chị chinh phụ Việt Nam Cộng Hòa trên đất khách hay còn ở Việt Nam...

Cuối cùng, tác giả tri ơn tiền nhân, hai cụ Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm đã để lại cho hậu thế tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm Khúc”, mà chính tác giả đã bị ảnh hưởng từ thời Trung Học, và nay, khởi từ âm điệu, vần thơ, ý thơ của người xưa, hậu bối đã mạo muội viết tác phẩm “Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hòa”...

Kính cảm tri ơn tiền nhân.

Lê Khắc Anh Hào.

Tác giả chân thành tri ơn:

- Tri ơn Tổ Quốc.
- Tri ơn tiền nhân.
- Tri ơn và tạ tội cùng Cha Mẹ vì đã không về Việt Nam thọ tang khi Cha, Mẹ quá vãng.
- Tri ơn những người chinh phụ miền Nam trong cuộc chiến bảo vệ tự do cho Tổ quốc...
 - Tri ơn những chiến sĩ dân chủ trong ngục tù cộng sản.
- Tri ơn độc giả đã đọc và chuyển những dòng chữ của tác giả ra khỏi sách đến với đồng bào trong và ngoài Việt Nam.
 - Tri ơn những chiến sĩ đấu tranh cho tự do, dân chủ Việt Nam ngoài ánh sáng, trong nhà tù cộng sản hay trong bóng đêm của lịch sử...
- Tri ơn những nhiếp ảnh gia, tác giả các dòng thơ /nhạc chúng tôi trích đăng trong thi tập này...

Lê Khắc Anh Hào

o O o

THƠ VÀ NHỮNG TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

1. Thơ Lê Khắc Anh Hào

- Đường Tổ Quốc 1988
- Sỏi đá còn hờn cơn quốc biến 1990
- Tự thưở vàng trắng vỡ cuối nguồn 1997
- Thấp lửa vào thơ 2000 (LKAH, Ý Yên, Trần Thúc Vũ)

- Đoạn Trường Lưu Vong 2004
- Đêm đợi bình minh 2012
- Lục bát đen Thời đại Hồ Chí Minh 2013
- Chinh Phụ Ngâm Khúc Việt Nam Cộng Hòa (thời binh lửa) 2013

*

2. Văn xuôi Hải Triều

- Vết hằn để lại nghìn sau 1997 (Biên khảo)
- Chim non trong cơn bão 2001 (Truyện)
- Những Trận Đánh Không Tên 2003
- Vững lầy văn báo hải ngoại 2004 (Biên khảo và tạp ký)
- Những Trận Đánh Không Tên 2006
- Máu và nước mắt trên lưng Trường Sơn 2007 (Việt)
- Blood and tears on Truong Son Mountain 2007 (Anh)
- Mùa Xuân Đen 2009 (Truyện, bút ký)
- Chụp mũ 2009 (Biên khảo)
- Tiếng nói bất khuất từ Việt Nam 1 – 2011 Hải Triều/Chu Tất Tiến
- Tiếng nói bất khuất từ Việt Nam 2 – 2012 Hải Triều/Chu Tất Tiến.

*

Các bút hiệu đã dùng ở Việt Nam:

Hải Triều, Bắc Phong, Lê Khắc Anh Hào...
trên nhật báo Sống, Đời, Sống Thần Sài gòn, Tiền Phong, Chiến Sĩ Cộng Hòa...

Nguồn: <https://baovecovang2012.wordpress.com/2014/02/20/chinh-phu-ngam-khuc-vnch-thoi-binh-lua-le-khak-anh-hao-chuong-11/>

www.vietnamvanhien.org

